



**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

**TỔNG  
LUẬN**

**KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
KINH TẾ**

ISSN 0866 - 7721

Số 1 - 2023

**DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2023**



Hà Nội, tháng 1-2023

# CỤC THÔNG TIN VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Địa chỉ: 24, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: (024) 38262718, Fax: (024) 39349127

## BAN BIÊN TẬP

**TS. Trần Đắc Hiến** (Trưởng ban); ThS. Trần Thị Thu Hà (Phó Trưởng ban)

KS. Nguyễn Mạnh Quân; ThS. Nguyễn Lê Hằng; ThS. Phùng Anh Tiến

---

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU .....	1
CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....	2
TÓM TẮT .....	3
I. NHÌN LẠI TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2022 .....	5
1. Tình hình chung.....	5
1.2. Phân tích một số yếu tố chính tác động đến kinh tế toàn cầu trong năm 2022 .	7
II. DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2023 .....	13
2.1. Dự báo của một số tổ chức quốc tế .....	13
2.2. Triển vọng kinh tế ở một số nền kinh tế và khu vực .....	30
2.3. Những thách thức và khuyến nghị chính sách.....	36
III. DỰ BÁO XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2023 .....	45
3.1. Công nghệ thông tin .....	45
3.2. Công nghệ biến đổi gen và vật liệu mới - công nghệ nano .....	51
3.3. Công nghệ sạch và bền vững.....	52
KẾT LUẬN .....	54
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH .....	56

## LỜI NÓI ĐẦU

Các tổ chức quốc tế, như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã đưa ra các báo cáo nhận định, đánh giá về tình hình kinh tế thế giới năm 2022 và dự báo cho năm 2023. Theo đó, năm 2022 được xem là đầy khó khăn với kinh tế thế giới. Cuộc xung đột Nga - Ukraine, khủng hoảng năng lượng, lạm phát tăng mạnh, suy giảm kinh tế Trung Quốc, sự đứt gãy chuỗi cung ứng chưa được phục hồi như mong đợi là những điểm nhấn chính tác động tới kinh tế toàn cầu trong năm 2022, khiến cho tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 ước đạt 2,9%<sup>1</sup> - một trong những mức thấp nhất trong gần 3 thập kỷ qua.

Trong năm 2023, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn, được định hình bởi tác động kéo dài của ba yếu tố: cuộc chiến tại Ukraine, hệ quả của các chính sách kiềm chế lạm phát của các nước, và sự suy thoái ở Trung Quốc. Các tổ chức quốc tế trên đều đánh giá thấp triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 so với 2022. Tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ giảm mạnh xuống còn 1,7% trong năm 2023. Trong năm nay, các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Khu vực đồng Euro, Trung Quốc, cũng như phần lớn các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi đều được dự báo có tốc độ tăng trưởng giảm so với năm 2022.

Công nghệ đã trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu như đã thấy trong nhiều thập kỷ qua. Các quốc gia đang ngày càng tối ưu hóa những lợi ích mà công nghệ mang lại để phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Nhiều tổ chức quốc tế đã dự báo các công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây, an ninh mạng, Blockchain, metaverse, robot, Internet vạn vật (IoT), Web 3.0, điện toán lượng tử, vật liệu thế hệ tiếp theo, in 3D, các công nghệ sạch và bền vững là những xu hướng công nghệ có thể bùng nổ trong năm 2023. Những công nghệ này đều có thể tạo ra giá trị và sức ảnh hưởng cho các doanh nghiệp, xã hội và cả môi trường.

Tổng luận “Dự báo kinh tế thế giới và xu hướng công nghệ năm 2023” nhằm cung cấp cho bạn đọc những thông tin cơ bản về bức tranh kinh tế thế giới năm 2022, triển vọng cho năm 2023 và một số xu hướng công nghệ nổi bật trong năm nay.

Trân trọng giới thiệu.

## CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

---

<sup>1</sup> Báo cáo “Triển vọng kinh tế toàn cầu” (Global Economic Prospects) của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố ngày 10/01/2023

## CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
AI	Trí tuệ nhân tạo
EAP	Đông Á và Thái Bình Dương
ECA	Châu Âu và Trung Á
EMDE	Các thị trường mới nổi và nền kinh tế đang phát triển
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IoT	Internet vạn vật
LAC	Châu Mỹ Latinh và Caribe
MNA	Trung Đông và Bắc Phi
OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
PMI	Chỉ số quản lý sức mua
SSA	Châu Phi cận Sahara
WB	Ngân hàng Thế giới
WEF	Diễn đàn kinh tế thế giới

## TÓM TẮT

Tăng trưởng toàn cầu được dự đoán sẽ giảm tốc mạnh trong năm nay, với tốc độ thấp thứ ba trong gần ba thập kỷ, chỉ sau cuộc suy thoái toàn cầu năm 2009 và 2020. Điều này phản ánh sự thắt chặt chính sách đồng bộ nhằm kiềm chế lạm phát rất cao, làm xấu đi các điều kiện tài chính và những tác động tiêu cực do cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina. Tăng trưởng đầu tư vào các thị trường mới nổi và nền kinh tế đang phát triển (EMDE) dự kiến sẽ duy trì dưới tốc độ trung bình của hai thập kỷ qua. Những cú sốc bất lợi hơn nữa có thể đẩy nền kinh tế toàn cầu vào một cuộc suy thoái khác. Các quốc gia nhỏ đặc biệt dễ bị tổn thương trước những cú sốc như vậy do họ phụ thuộc vào thương mại và tài chính bên ngoài, hạn chế trong đa dạng hóa nền kinh tế, nợ tăng cao và dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Hành động toàn cầu khẩn cấp là cần thiết để giảm thiểu rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu và nợ nần chồng chất ở các nước EMDE. Với không gian chính sách hạn chế, điều quan trọng là các nhà hoạch định chính sách quốc gia phải đảm bảo rằng bất kỳ hỗ trợ tài chính nào đều tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương, rằng kỳ vọng lạm phát vẫn được neo giữ tốt và hệ thống tài chính tiếp tục linh hoạt. Các chính sách cũng cần thiết để hỗ trợ tăng mạnh đầu tư vào các nước EMDE, bao gồm nguồn tài chính mới từ cộng đồng quốc tế và từ việc tái sử dụng các khoản chi tiêu hiện tại, chẳng hạn như trợ cấp nông nghiệp và nhiên liệu không hiệu quả.

Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 sẽ chỉ đạt 1,7% theo WB, tỷ lệ này là 2,7% theo IMF, 2,2% theo OECD, đây là tốc độ tăng trưởng yếu thứ ba trong gần ba thập kỷ, chỉ sau các cuộc suy thoái toàn cầu do đại dịch năm 2020 và khủng hoảng tài chính toàn cầu 2009 gây ra. Những nguyên nhân chính khiến triển vọng kinh tế toàn cầu kém đi là việc thắt chặt chính sách đồng bộ nhằm kiềm chế lạm phát rất cao trong năm 2022, điều kiện tài chính xấu đi và tác động tiêu cực liên tục do cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina. Hoa Kỳ, Khu vực đồng euro và Trung Quốc đều đang trải qua thời kỳ suy yếu rõ rệt, và hậu quả lan tỏa đang làm trầm trọng thêm những tác động xấu khác mà các nền kinh tế EMDE phải đối mặt. Sự kết hợp giữa tăng trưởng chậm, điều kiện tài chính thắt chặt và nợ nần chồng chất có khả năng làm suy yếu hoạt động đầu tư và gây ra tình trạng vỡ nợ của các công ty. Những cú sốc tiêu cực hơn nữa - chẳng hạn như lạm phát cao hơn, thậm chí chính sách chặt chẽ hơn, căng thẳng tài chính, suy yếu sâu hơn ở các nền kinh tế lớn hoặc căng thẳng địa chính trị gia tăng - có thể đẩy nền kinh tế toàn cầu vào suy thoái.

Trong thời gian tới, cần có những nỗ lực toàn cầu khẩn cấp để giảm thiểu rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu và nợ nần chồng chất ở các nước EMDE. Với không gian chính sách hạn chế, điều quan trọng là các nhà hoạch định chính sách quốc gia phải

đảm bảo rằng bất kỳ hỗ trợ tài chính nào đều tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương, rằng kỳ vọng lạm phát vẫn được neo giữ tốt và hệ thống tài chính tiếp tục linh hoạt. Các chính sách cũng cần thiết để hỗ trợ tăng mạnh đầu tư vào các nước EMDE, có thể giúp đảo ngược tình trạng tăng trưởng chậm lại trong dài hạn đang bị trầm trọng hơn do các cú sốc chòng chéo của đại dịch, xung đột Nga - Ukraina và việc thắt chặt nhanh chóng chính sách tiền tệ toàn cầu. Điều này sẽ đòi hỏi nguồn tài chính mới từ cộng đồng quốc tế và từ việc tái sử dụng các khoản chi tiêu hiện có, chẳng hạn như trợ cấp nhiên liệu và nông nghiệp không hiệu quả.

Tổng luận “Dự báo kinh tế thế giới và xu hướng công nghệ năm 2023” gồm 3 phần. Phần một khái quát tình hình kinh tế thế giới năm 2022, phân tích một số yếu tố chính tác động đến kinh tế toàn cầu trong năm 2022 như tác động của chiến tranh ở Ukraine, khủng hoảng năng lượng, lạm phát, điều kiện tài chính toàn cầu, thị trường hàng hóa và thương mại hàng hóa toàn cầu. Phần 2 đề cập các dự báo của một số tổ chức quốc tế như WB, IMF, OECD và ADB về triển vọng kinh tế thế giới năm 2023, 2024, bao gồm các dự báo kinh tế ở một số quốc gia, khu vực và thế giới. Phần này cũng sẽ đề cập đến những rủi ro đối với kinh tế toàn cầu trong năm 2023, những thách thức và khuyến nghị chính sách mà các tổ chức này đưa ra cho các chính phủ trên toàn cầu để ứng phó với những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, lạm phát, an sinh xã hội, hướng tới giải quyết các thách thức về môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Phần 3 đưa ra một số dự báo xu hướng công nghệ nổi bật năm 2023 của một số tổ chức quốc tế, tạp chí, trang tin công nghệ, công ty phân tích thị trường, tư vấn đầu tư có uy tín trên thế giới. Theo đó, các xu hướng công nghệ hàng đầu năm 2023 sẽ xoay AI, điện toán đám mây, an ninh mạng, Blockchain, metaverse, robot, kết nối và mở rộng với 5G và IoT, Web 3.0, điện toán lượng tử, vật liệu thế hệ tiếp theo, Digital Twin và in 3D, các công nghệ sạch và bền vững...

# I. NHÌN LẠI TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2022

## 1. Tình hình chung

Các tổ chức quốc tế như WB, IMF, OECD, ADB... đều đã đưa những nhận định, đánh giá về tình hình kinh tế thế giới năm 2022. Từ cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, khủng hoảng năng lượng, lạm phát, tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương, suy giảm kinh tế Trung Quốc, sự đứt gãy chuỗi cung ứng, thời tiết khắc nghiệt nhiều nơi do hậu quả của biến đổi khí hậu là những điểm nhấn chính tác động tới kinh tế toàn cầu trong năm 2022.

Các tổ chức này đều nhận định năm 2022 là một năm đầy sóng gió với kinh tế thế giới, tăng trưởng GDP toàn cầu giảm mạnh, ước đạt 2,9%<sup>2</sup> - mức thấp nhất trong gần 3 thập kỷ (nếu không tính các năm suy thoái kinh tế 2009 và 2020), do sự suy giảm của các nền kinh tế phát triển cũng như đang phát triển. Các nền kinh tế lớn đều có mức tăng trưởng sụt giảm mạnh so với năm 2021: tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ giảm từ 5,9% năm 2021 xuống 1,9%, Khu vực đồng Euro từ 5,3% xuống 3,3%, Nhật Bản từ 2,2% xuống 1,1%, Trung Quốc từ 8,1% xuống 2,7%. Trong các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (EMDE) cũng có sự sụt giảm gần một nửa, từ 6,7% xuống 3,4%, hoạt động xuất nhập khẩu của các nước EMDE cũng sụt giảm tương tự.

Theo WB, mặc dù tăng trưởng kinh tế khu vực Đông Á và Thái Bình Dương giảm từ 7,2% năm 2021 xuống 3,2% năm 2022, nhưng hầu hết các nền kinh tế trong khu vực ASEAN lại bất ngờ tăng trưởng cao hơn trong năm 2022, như Việt Nam từ 2,6% năm 2021 tăng lên 7,2%, Ấn Độ từ 3,7% lên 5,2%, Malaysia từ 3,1% lên 7,8%,... chủ yếu do các hoạt động sản xuất, thương mại và du lịch đã phục hồi đáng kể sau đại dịch.

Theo Báo cáo Triển vọng Phát triển Châu Á (Asian Development Outlook) cập nhật tháng 12/2022 của ADB, năm 2022, tăng trưởng của khu vực Đông Nam Á là 5,5% và lạm phát ở mức 5,1%, thấp hơn so với nhiều khu vực khác trên thế giới nhờ các nước dần mở cửa trở lại nền kinh tế sau đại dịch, tăng trưởng thương mại nội khối hơn 30% và tăng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), cũng như sự điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt của các ngân hàng trung ương các nước và sự chuyển dịch chuỗi cung ứng. Hiện khu vực Đông Nam Á chiếm gần 8% xuất khẩu toàn cầu; khoảng 10% tổng số nguồn vốn FDI thế giới. Quy mô nền kinh tế số dự kiến đạt 194 tỷ USD. Trong năm 2022, các quốc gia Đông Nam Á đã nâng cấp quan hệ với Hoa Kỳ

---

<sup>2</sup> Báo cáo "Triển vọng kinh tế toàn cầu" (Global Economic Prospects) của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố ngày 10/01/2023

và Ấn Độ lên đối tác chiến lược toàn diện.

**Bảng 1.1.** Ước tính của một số tổ chức quốc tế về tăng trưởng GDP của một số nước/khu vực và thế giới năm 2022 (tỷ lệ %)

	<b>WB</b>	<b>IMF</b>	<b>OECD</b>	<b>ADB</b>
Thế giới	2,9	3,2	3,1	
Hoa Kỳ	1,9	1,6	1,8	1,7
Nhật Bản	1,2	1,7	1,6	1,4
Khu vực đồng Euro	3,3	3,1	3,3	3,0
OECD			2,8	
BRIC				
<i>Trung Quốc</i>	2,7	3,2	3,3	3,0
<i>Ấn Độ</i>	6,9	6,8	6,6	7,0
<i>Nga</i>	-3,5	-3,4	-3,9	
<i>Braxin</i>	3,0	2,8	2,8	
ASEAN				5,5
<i>Singapo</i>		3,0		3,3
<i>Indônêxia</i>	5,2	5,3	5,3	5,4
<i>Malaixia</i>	7,8	5,4		7,3
<i>Thái Lan</i>	3,4	2,8		3,2
<b><i>Việt Nam</i></b>	<b>7,2</b>	<b>7,0</b>		<b>7,5</b>
<i>Campuchia</i>	4,8	5,1		
<i>Lào</i>	2,5	2,2		
<i>Philippin</i>	7,2	6,5		7,4
Mỹ Latinh và Caribe	3,6	3,5		
Các nền kinh tế phát triển	2,5	2,4		
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	3,4	3,7		
Tăng trưởng ngoại thương thế giới (bao gồm hàng hóa và dịch vụ)	4,0	4,3		

Nguồn: WB, IMF, OECD, ADB

Năm 2022, hoạt động kinh tế toàn cầu đã trải qua một cuộc suy thoái trên diện rộng và mạnh hơn dự kiến, với lạm phát cao chưa từng thấy trong vài thập kỷ qua, tăng từ 4,7% năm 2021 lên 8,8% vào năm 2022. Chi phí sinh hoạt tăng phi mã đi kèm việc thắt chặt các điều kiện tài chính đang diễn ra ở hầu hết các khu vực trong khi các lựa chọn chính sách hỗ trợ của chính phủ ngày càng thu hẹp lại. Các thách thức trở nên đa chiều, tăng trưởng kinh tế và việc làm thấp, lạm phát gia tăng, mất ổn định an ninh lương thực và năng lượng, trở ngại trong tích lũy vốn, lao động và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế OECD công bố cuối tháng 11/2022, tăng trưởng thương mại thế giới ước tính giảm một nửa, từ 10% năm 2021 xuống còn 5,4% năm 2022. Tỷ lệ lạm phát trong hầu hết các nước và khu vực đều tăng mạnh trong năm 2022, như OECD (9,4%), G20 (8,1%), Hoa Kỳ (6,2%), Khu vực đồng Euro (8,3%), Nhật Bản (2,3% từ mức - 0,2% năm 2021).

Đặc biệt, năm 2022 ghi nhận 3 xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng là:



- Dịch chuyển chuỗi cung ứng sang các nước trong cùng khu vực địa lý để giảm phụ thuộc, hoặc tránh rủi ro từ chiến tranh thương mại, trừng phạt kinh tế. Các hoạt động thấp tầng, thâm dụng lao động và không đòi hỏi công nghệ cao như gia công, lắp ráp có giá trị gia tăng thấp, dệt may, sản xuất linh kiện, phụ tùng đơn giản thường được dịch chuyển ra nhiều nước nhằm phân tán rủi ro và tối ưu hóa chi phí sản xuất;

- Dịch chuyển toàn bộ hoặc một phần sản xuất có công nghệ cao, sản phẩm hàng hóa chiến lược có giá trị gia tăng cao, liên quan tới bí mật công nghệ và an ninh quốc gia, nhất là với các nền kinh tế phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU;

- Dịch chuyển gắn với tái cơ cấu, sắp xếp lại chuỗi cung ứng nhằm đa dạng hóa nguồn cung, mở rộng mạng lưới các nhà cung cấp, phân tán rủi ro; cạnh tranh tham gia chuỗi cung ứng đang và sẽ diễn ra quyết liệt hơn, nhất là giữa các nước đang phát triển có sự tương đồng về thị trường, trình độ nhân lực, công nghệ.

Đồng thời, động lực đầu tư xanh hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng có nguy cơ thụt lùi do giảm số lượng các dự án đầu tư nhằm tăng cường khả năng thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

## **1.2. Phân tích một số yếu tố chính tác động đến kinh tế toàn cầu trong năm 2022**

### ***Chiến tranh ở Ukraine gây thêm khó khăn cho người dân và thiệt hại kinh tế***

Cuộc chiến tại Ukraine đã khiến hàng triệu người phải di tản, thiệt hại đáng kể về người và thiệt hại về cơ sở vật chất ở Ukraine. Ngoài các biện pháp trừng phạt tài chính và công nghệ nhằm gây sức ép buộc Nga chấm dứt các hành động thù địch, Liên minh Châu Âu đã thực hiện lệnh cấm vận nhập khẩu than vào tháng 8 năm 2022. Tổ chức này cũng tuyên bố cấm nhập khẩu dầu vận chuyển bằng đường biển bắt đầu từ cuối năm 2022 và cấm bảo hiểm hàng hải. Xuất khẩu giảm từ Nga, đáng chú ý nhất là khí đốt, cũng đã ảnh hưởng đến thương mại nhiên liệu hóa thạch, với lưu lượng khí đốt qua đường ống dẫn của Nga đến châu Âu giảm xuống khoảng 20% so với mức một năm trước. Điều này đã góp phần làm tăng mạnh giá khí đốt tự nhiên. Chiến tranh đang gây ra những hậu quả kinh tế nghiêm trọng ở châu Âu, với giá năng lượng cao hơn, niềm tin của người tiêu dùng yếu hơn và động lực sản xuất chậm lại do sự gián đoạn chuỗi cung ứng liên tục và chi phí đầu vào tăng cao. Các nền kinh tế liền kề—các quốc gia Baltic và Đông Âu—chịu tác động lớn nhất, với tốc độ tăng trưởng chậm lại trong quý hai và quý ba và tỷ lệ lạm phát tăng cao.

Cuộc chiến ở Ukraine cũng đang gây ra những hậu quả toàn cầu đối với giá lương thực. Bất chấp thỏa thuận gần đây về xuất khẩu ngũ cốc ở Biển Đen, giá lương thực toàn cầu vẫn tăng cao, mặc dù chúng được dự đoán sẽ giảm nhẹ. Nhìn chung, lạm phát quốc tế đã tăng cao hơn, được thúc đẩy bởi sự gia tăng hơn nữa của giá năng

lượng tiêu dùng và giá lương thực, vì chiến tranh đã dẫn đến sự gia tăng áp lực lạm phát. Các quốc gia có chế độ ăn nghiêng về các loại thực phẩm có mức tăng giá lớn nhất, đặc biệt là lúa mì và ngô; những nước phụ thuộc nhiều hơn vào nhập khẩu thực phẩm. Các quốc gia có thu nhập thấp đã phải chịu tác động đặc biệt nghiêm trọng, như ở châu Phi cận Sahara, vì lương thực chiếm trung bình khoảng 40% giỏ hàng tiêu dùng của khu vực đó.

### ***COVID-19 tiếp tục kìm hãm tiến bộ kinh tế***

Khi lạm phát, thắt chặt tiền tệ và tài khóa, và cuộc chiến ở Ukraine tiếp tục bóp nghẹt hoạt động toàn cầu, thì đại dịch cũng đang đè nặng lên triển vọng kinh tế vĩ mô. Các yếu tố liên quan đến đại dịch đặc biệt quan trọng ở Trung Quốc, nơi mà sự suy giảm trong quý hai/2022 đã góp phần làm chậm hoạt động kinh tế toàn cầu. Việc phong tỏa tạm thời ở Thượng Hải và các nơi khác do sự bùng phát của COVID-19 đã làm suy yếu nhu cầu địa phương, điều này được phản ánh trong thành phần đơn đặt hàng mới của chỉ số nhà quản lý mua hàng. Các dữ liệu khác chứng thực bức tranh về hoạt động kinh tế chậm lại ở Trung Quốc. Chẳng hạn, việc sử dụng năng lực sản xuất trong nước đã giảm xuống dưới 76% trong quý hai: mức thấp nhất trong 5 năm. Sự gián đoạn như vậy ở Trung Quốc không chỉ có tác động trong nước mà còn lan rộng ra quốc tế, vì nhu cầu thấp hơn đồng nghĩa với việc xuất khẩu ít hơn cho các nhà cung cấp nước ngoài. Và những hạn chế về năng lực trong sản xuất và hậu cần làm trì hoãn sự khai thông chuỗi cung ứng, khiến áp lực cung ứng toàn cầu tăng cao và do đó lạm phát cũng tăng cao. Các biến thể bùng phát trở lại của virus COVID-19 cũng đe dọa sự phục hồi kinh tế ở những nơi khác. Tác động do đại dịch gây ra cũng làm chậm quá trình tích lũy vốn con người do không được đi học để tiếp thu kỹ năng công việc.

### ***Khủng hoảng năng lượng***

Vấn đề nổi bật nhất và xuyên suốt năm 2022 đó chính là "khủng hoảng năng lượng". Đây là một cuộc khủng hoảng đặc biệt ở chỗ nó không xuất phát từ sự thiếu hụt nguồn cung, mà do các xung đột địa chính trị. Khởi đầu bằng cuộc xung đột Nga - Ukraine, các nước phương Tây đã áp dụng các biện pháp trừng phạt ngành năng lượng, lĩnh vực xuất khẩu chính của Nga, khiến giá dầu khí nhanh chóng leo thang. Giá dầu Brent năm 2022 đã tăng vọt từ mức 98,08 USD/thùng trước xung đột Nga - Ukraine lên đến mức kỷ lục gần 130 USD/thùng.

Đây không phải là khủng hoảng nguồn cung. Dầu thô và khí đốt của Nga chưa bao giờ biến mất khỏi thị trường, nó chỉ thay đổi từ khách hàng này sang khách hàng khác, cụ thể ở đây là từ châu Âu sang châu Á. Có thể nói bản đồ năng lượng thế giới cuối năm 2022 đã không còn điềm gì tương đồng với một năm trước đó. Năm 2021, 2022, Nga là nhà cung cấp dầu thô lớn nhất cho châu Âu, với 2,2 triệu thùng dầu được

xuất khẩu sang châu Âu mỗi ngày. Tuy nhiên, kể từ ngày 5/12, lệnh cấm nhập khẩu dầu thô của Nga qua đường biển bắt đầu có hiệu lực, các chuyên gia tính toán lệnh cấm này sẽ cắt đứt 90% dòng chảy dầu thô của Nga vào EU. EU cũng áp trần giá dầu thô của Nga ở mức 60 USD/thùng. Để chống đỡ, Nga chuyển hướng xuất khẩu sang châu Á. Hiện 89% dầu thô của Nga đang xuất khẩu sang châu Á, chủ yếu là Trung Quốc và Ấn Độ.

Để bù lại nguồn cung từ Nga, EU tìm kiếm các nhà cung cấp mới từ Hoa Kỳ và Trung Đông. Đức đã ký hợp đồng mua khí đốt kéo dài 15 năm với Qatar. Hungary cũng đang đàm phán với Qatar. Năm 2022, Hoa Kỳ cung cấp tới hơn 50% lượng khí LNG nhập khẩu vào EU.

### ***Lạm phát ở nhiều nước tăng vọt***

Một vấn đề đáng chú ý khác trong năm 2022 là tình trạng lạm phát và có liên quan trực tiếp đến giá năng lượng. Giá năng lượng cao đã đẩy tỷ lệ lạm phát ở nhiều nước tăng vọt. Đã có những mức đỉnh lạm phát ở các nền kinh tế hàng đầu thế giới.

Lạm phát gia tăng trong suốt năm 2022 ở hầu hết các nền kinh tế. Lạm phát toàn phần (headline inflation) toàn cầu trung bình đã vượt quá 9% trong nửa cuối năm, mức cao nhất kể từ năm 1995. Lạm phát đạt gần 10% ở các nước EMDE, mức cao nhất kể từ năm 2008 và ở các nền kinh tế tiên tiến hơn 9%, mức cao nhất kể từ năm 1982. Lạm phát cao hơn mục tiêu ở hầu hết các quốc gia áp dụng lạm phát mục tiêu.

Lạm phát tăng vọt năm 2022 phản ánh sự kết hợp của các yếu tố cung và cầu. Về phía cầu, tốc độ tăng trưởng tăng nhanh trong thời gian đầu hồi phục sau cuộc suy thoái toàn cầu năm 2020, cũng như tác động trễ của việc hỗ trợ kinh tế vĩ mô trước đó, đã góp phần tạo ra áp lực giá. Giá tăng đặc biệt lớn trong các lĩnh vực như vận chuyển và du lịch hàng không, nơi mà sự thay đổi nhu cầu gặp phải những hạn chế về năng lực và sự gián đoạn chuỗi cung ứng. Về phía cung, tình trạng thiếu hụt các mặt hàng chủ chốt, trầm trọng hơn do cuộc xung đột Nga - Ukraina, đã góp phần đáng kể vào việc tăng giá năng lượng và lương thực. Ở một số quốc gia, các điều kiện chặt chẽ và sự không phù hợp trong thị trường lao động càng làm tăng tiền lương và chi phí đầu vào và sản xuất cao hơn. Cuối cùng, nhiều quốc gia đã trải qua sự mất giá tiền tệ lớn dẫn đến giá nhập khẩu, sản xuất và tiêu dùng cao hơn. Mức chi cho thực phẩm cao hơn trong chi tiêu của người tiêu dùng đã khiến lạm phát tăng nhanh hơn ở các nước có thu nhập thấp so với các nước EMDE khác.

Theo công bố của Cơ quan Thống kê của EU (Eurostat) ngày 06/01/2023, tỷ lệ lạm phát của Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) dù giảm trong tháng thứ 2 liên tiếp, nhưng vẫn còn 9,2% trong tháng 12/2022 so với mức 10,1% trong tháng 11/2022 và tháng 10 là 10,6%, cao gấp 5 lần so với mục tiêu lạm phát mà Ngân hàng

Trung ương châu Âu (ECB) đề ra. Ở Hoa Kỳ, tỷ lệ lạm phát là 9,1% vào tháng 6/2022, ở Anh tháng 10 là 11,1%, Đức là 10,4%, EU là 11,1%. Phần lớn các con số này đều là mức đỉnh lịch sử hoặc cao nhất trong nhiều thập niên.

Các ngân hàng trung ương giải quyết lạm phát cao

Để đối phó với lạm phát, các ngân hàng trung ương đã buộc phải nâng lãi suất, dẫn đầu bởi Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED). Ở Hoa Kỳ, đến tháng 12/2022, lãi suất cơ bản đang nằm trong ngưỡng 4,25 - 4,5% cao nhất trong vòng 15 năm kể từ cuộc khủng hoảng tài chính 2007 - 2008. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cũng đã kết thúc giai đoạn 15 năm lãi suất cơ bản âm hoặc bằng 0 để kích cầu nền kinh tế sau cuộc khủng hoảng tài chính 2007 và đẩy mạnh tăng lãi suất lên mức 2,5%. ECB đang tăng lãi suất và sẽ tiếp tục tăng với tốc độ đều cho đến khi đạt mức có thể đảm bảo lạm phát trở lại mục tiêu trung hạn 2%.

Kể từ năm 2021, lạm phát đã tăng nhanh và dai dẳng hơn dự kiến. Năm 2022, lạm phát ở các nền kinh tế tiên tiến đạt mức cao nhất kể từ năm 1982. Mặc dù lạm phát là một hiện tượng phổ biến, ảnh hưởng đến hầu hết các nền kinh tế trên thế giới, nhưng nó có tác động nghiêm trọng nhất đến các nhóm thu nhập thấp ở các nền kinh tế đang phát triển. Ở những quốc gia này, có tới một nửa chi tiêu tiêu dùng hộ gia đình dành cho thực phẩm, có nghĩa là lạm phát có thể tác động đặc biệt nghiêm trọng đến sức khỏe và mức sống của con người. Mặc dù chỉ số giá tiêu dùng giảm nhẹ trong tháng 7 và tháng 8/2022, lạm phát của Hoa Kỳ đã đạt một trong những mức cao nhất trong khoảng 40 năm qua, với giá cả trong tháng 8/2022 cao hơn 8,3% so với một năm trước đó. Khu vực đồng Euro chứng kiến lạm phát lên tới 10% trong tháng 9, trong khi Vương quốc Anh chứng kiến lạm phát hàng năm là 9,9%. Các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi ước tính có mức lạm phát 10,1% trong quý 2 năm 2022 và đối mặt với tỷ lệ lạm phát cao nhất là 11,0% trong quý 3: tỷ lệ cao nhất kể từ năm 1999. Dự âm của sự phục hồi nhu cầu mạnh mẽ vào năm ngoái và tiếp tục tái cân bằng nhu cầu đối với các dịch vụ đã thúc đẩy lạm phát. Mặc dù giá tương lai đã giảm, nhưng sự chuyển dịch chậm trễ của giá lương thực và năng lượng trong quá khứ từ thị trường hàng hóa toàn cầu sang giá tiêu dùng có thể tiếp tục đẩy lạm phát cao hơn trong ngắn hạn. Ở châu Âu, tác động đáng kể từ các cú sốc năng lượng liên quan đến chiến tranh càng làm trầm trọng thêm những tác động này, trong khi ở châu Á, tác động vừa phải hơn đối với giá lương thực đang giúp giữ cho lạm phát không tăng nhiều như ở những nơi khác.

Lạm phát cơ bản toàn cầu, được đo bằng cách loại trừ giá lương thực và năng lượng, ước tính là 6,6% trên cơ sở quý IV/2022 so với quý trước, phản ánh áp lực chi phí chuỗi cung ứng và thị trường lao động chặt chẽ, đặc biệt là ở các nền kinh tế tiên

tiền. Ngược lại, hoạt động kinh tế ở Trung Quốc hạ nhiệt cũng làm giảm lạm phát cơ bản. Trung bình, tiền lương danh nghĩa cần có thời gian để tăng lên nhằm đối phó với lạm phát, khiến tiền lương thực tế giảm xuống và đóng vai trò làm giảm nhu cầu. Tuy nhiên, bất chấp một số điểm không chắc chắn, kỳ vọng lạm phát dài hạn nhìn chung vẫn ổn định ở hầu hết các nền kinh tế lớn. Lạm phát cao trong năm 2021 và 2022 đã khiến nhiều tổ chức dự báo kinh tế vĩ mô, trong đó có IMF, bất ngờ. Những bất ngờ về lạm phát tăng đã xảy ra đối với hầu hết các nền kinh tế nhưng đặc biệt phổ biến ở các nền kinh tế tiên tiến.

Để ngăn lạm phát, các ngân hàng trung ương đã nhanh chóng nâng lãi suất chính sách danh nghĩa. Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ đã tăng lãi suất mục tiêu của quỹ liên bang thêm 3 điểm phần trăm kể từ đầu năm 2022 và đã thông báo rằng có khả năng tăng thêm. Ngân hàng Trung ương Anh đã tăng lãi suất chính sách thêm 2 điểm phần trăm kể từ đầu năm mặc dù dự báo tăng trưởng yếu. Ngân hàng Trung ương châu Âu đã tăng lãi suất chính sách thêm 1,25 điểm phần trăm trong năm nay. Nhưng do lạm phát đã vượt xa mức tăng này, nên với một số ngoại lệ, lãi suất chính sách thực tế vẫn ở dưới mức trước đại dịch. Sự khác biệt trong lộ trình bình thường hóa chính sách tiền tệ một phần là do lạm phát cơ bản tăng nhanh ở một số nền kinh tế tiên tiến, đáng chú ý nhất là ở Hoa Kỳ, trước khi nó xảy ra ở các nước khác.

### ***Thị trường hàng hóa và thương mại hàng hóa toàn cầu suy giảm***

Hầu hết giá hàng hóa đã giảm kể từ tháng 6/2022, ở các mức độ khác nhau, do tăng trưởng toàn cầu chậm lại. Giá dầu giảm từ mức cao nhất giữa năm 2022 trong bối cảnh lo ngại về nhu cầu; trong cả năm, giá dầu thô Brent trung bình là 100 USD/thùng. Giá khí đốt tự nhiên của châu Âu đã tăng lên mức cao nhất mọi thời đại trong tháng 8/2022 nhưng kể từ đó đã giảm trở lại mức trước khi có khí đốt dự trữ đầy và thời tiết ôn hòa làm giảm nhu cầu khí đốt tự nhiên để sưởi ấm. Giá than đạt mức cao kỷ lục trong quý ba trước khi bắt đầu giảm trong quý tư năm 2022.

Trong khi đó, giá kim loại giảm trong nửa cuối năm 2022 do nhu cầu giảm, đặc biệt là từ Trung Quốc. Giá nông sản đã giảm nhưng vẫn ở mức cao, đặc biệt là đối với lúa mì và dầu thực vật, cho thấy năng suất cây trồng cao hơn dự kiến, cũng như việc nối lại một số mặt hàng xuất khẩu từ Ukraina. Những lo ngại về nguồn cung lương thực do cuộc xung đột Nga-Ukrain đã khiến nhiều quốc gia áp đặt lệnh cấm xuất khẩu và các hạn chế thương mại khác. Mức độ của những hạn chế này, cả về số lượng tuyệt đối và tỷ lệ lượng calo tiêu thụ, tương đương với những hạn chế trong thời kỳ giá lương thực tăng đột biến năm 2008. Tuy nhiên, do những hạn chế gần đây đã được áp dụng cho nhiều loại hàng hóa nên chúng không ảnh hưởng nhiều đến thị trường toàn cầu như những hạn chế được áp dụng trong năm 2008 (được áp dụng chủ yếu cho gạo

và lúa mì và cũng đi kèm với lượng mua lớn từ các nhà nhập khẩu lớn).

Tiền mất giá ở nhiều quốc gia đã dẫn đến giá hàng hóa tính theo nội tệ cao hơn so với giá tính bằng đô la Mỹ. Chẳng hạn, từ tháng 2 đến tháng 11 năm 2022, giá dầu thô Brent tính theo đô la Mỹ đã giảm gần 5%, nhưng tăng trung bình 7% tính theo nội tệ ở các nền kinh tế tiên tiến (không bao gồm Hoa Kỳ) và 5% ở các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế EMDE nhập khẩu dầu. Do đó, áp lực lạm phát do hàng hóa gây ra ở nhiều quốc gia có thể dai dẳng hơn so với biểu hiện của sự sụt giảm giá hàng hóa toàn cầu gần đây.

Tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm tốc trong nửa cuối năm 2022, cùng với suy giảm hoạt động kinh tế ở các nền kinh tế lớn. Thương mại suy yếu phản ánh sự chậm lại trong sản xuất công nghiệp toàn cầu. Dù vậy, thương mại dịch vụ tiếp tục phục hồi, được hỗ trợ bởi sự chuyển dịch dần nhu cầu sang dịch vụ. Luồng du lịch phục hồi khi nhiều quốc gia nới lỏng hạn chế đi lại nhưng vẫn ở dưới mức trước đại dịch và không đồng đều giữa các khu vực.

Theo WB, tăng trưởng thương mại toàn cầu yếu do nhu cầu đối với hàng hóa công nghiệp ở một số nền kinh tế lớn đang giảm dần, thương mại tiếp tục gián đoạn do xung đột ở Ukraine. Nhu cầu toàn cầu giảm đối với hàng hóa chế biến, chế tạo, kết hợp với việc nới lỏng một số nút thắt trong chuỗi cung ứng khi Trung Quốc nới lỏng các hạn chế liên quan đến đại dịch đã góp phần làm giảm chi phí đầu vào của hoạt động sản xuất.

### ***Điều kiện tài chính toàn cầu có xu hướng thắt chặt***

Các điều kiện tài chính toàn cầu đã được thắt chặt mạnh mẽ, lạm phát liên tục tăng cao và thắt chặt tiền tệ nhanh hơn dự kiến, và sự lo lắng về rủi ro ngày càng tăng. Tại các nền kinh tế phát triển, lợi suất trái phiếu chính phủ có nhiều biến động. Lợi suất trái phiếu chính phủ dài hạn ở Hoa Kỳ và Đức tăng với tốc độ nhanh nhất trong gần ba thập kỷ năm 2022, lần lượt đạt mức cao nhất kể từ năm 2007 và 2011 vào tháng 10/2022. Thị trường chứng khoán trên toàn thế giới chứng kiến sự sụt giảm đáng kể, đến tháng 12/2022, chỉ số chứng khoán Thế giới của MSCI đã giảm gần 20% kể từ đầu năm, với các chỉ số thị trường chứng khoán giảm hơn 15% (tính theo đồng đô la Mỹ) ở khoảng một nửa số quốc gia. Đồng đô la Mỹ tăng mạnh so với các đồng tiền của các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi.

Như trong các đợt thắt chặt trước đây, chính sách tiền tệ thắt chặt hơn ở các nền kinh tế tiên tiến đã gây áp lực lên dòng vốn cho các nước EMDE. Trung Quốc đã chứng kiến dòng vốn chảy ra khỏi thị trường nợ khá lớn năm 2022, trong khi các EMDE khác vẫn ở trong giai đoạn kéo dài với dòng nợ và vốn chủ sở hữu nói chung yếu bắt đầu từ năm 2021. Đồng đô la Mỹ cũng tăng giá rõ rệt năm 2022. Hầu hết các

đồng tiền của các nước EMDE đều mất giá so với đồng đô la Mỹ, nhưng các nền kinh tế có thâm hụt ngân sách lớn hơn 3% GDP trung bình bị mất giá gấp 8 lần so với các EMDE khác.

Sức mạnh của đồng đô la Mỹ đã tác động đến nhiều nước đi vay với các khoản nợ ròng bằng đồng đô la và đã góp phần gây ra lạm phát ở các quốc gia có đồng tiền mất giá. Để ngăn chặn dòng vốn chảy ra ngoài nghiêm trọng hơn và áp lực giảm giá tiền tệ, nhiều cơ quan quản lý tiền tệ của các nước EMDE đã kéo dài các chu kỳ thắt chặt trong nước hoặc sử dụng dự trữ ngoại hối để chống lại áp lực tiền tệ. Điều kiện thị trường ngày càng khó khăn khiến lượng phát hành trái phiếu của các nước EMDE năm 2022 giảm xuống mức thấp nhất trong 10 năm qua. Các nhà đầu tư ngày càng tránh xa các nước EMDE dễ bị tổn thương nhất, nơi rủi ro khủng hoảng tài chính đang gia tăng. Các nhà nhập khẩu năng lượng có xếp hạng tín dụng yếu đã chứng kiến sự gia tăng đặc biệt mạnh về chênh lệch nợ quốc gia, làm tăng thêm khó khăn trong việc tài trợ cho các khoản thâm hụt tài khoản vãng lai lớn. Chênh lệch nợ bằng đô la Mỹ vượt quá 10 điểm phần trăm ở khoảng 1/5 các nước EMDE, khiến họ thoát khỏi thị trường nợ toàn cầu một cách hiệu quả. Con số này tăng từ dưới 1/15 vào năm 2019.

Theo IMF, các điều kiện tài chính thắt chặt hơn gây ra tình trạng khó khăn về nợ ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Tại các nền kinh tế phát triển, các ngân hàng trung ương tăng lãi suất để chống lạm phát, các điều kiện tài chính trên toàn thế giới sẽ tiếp tục thắt chặt. Việc tăng chi phí đi vay sẽ tạo áp lực lên dự trữ quốc tế, gây ra thiệt hại cho các nền kinh tế có nợ ròng bằng đô la Mỹ. Những thách thức như vậy sẽ xảy ra vào thời điểm mà vị thế tài chính của chính phủ ở nhiều quốc gia đã bị ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, đồng nghĩa với việc ít dư địa hơn cho hỗ trợ chính sách tài khóa.

Theo OECD, lạm phát tiến tới trên mức mục tiêu khiến các ngân hàng trung ương phản ứng mạnh mẽ hơn, dẫn đến thắt chặt các điều kiện tài chính. Thị trường chứng khoán ở nhiều nơi trên thế giới đã giảm mạnh, lợi suất trái phiếu danh nghĩa tăng, đồng đô la Mỹ tăng giá đáng kể. Chênh lệch trái phiếu doanh nghiệp tăng, đặc biệt ở châu Âu. Dòng vốn chảy ra từ các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi tăng. Lãi suất cao hơn cũng đang làm giảm động lực trên thị trường nhà đất. Doanh số bán, cho vay thế chấp và mua nhà đã giảm mạnh ở nhiều quốc gia.

## **II. DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2023**

### **2.1. Dự báo của một số tổ chức quốc tế**

Các tổ chức quốc tế như WB, IMF, OECD, ADB đã đưa ra các báo cáo nhận định và dự báo về tình hình kinh tế thế giới, khu vực và từng nước trong năm 2023 và 2024

(Bảng 2.1). Nhìn chung, các báo cáo của các tổ chức này đều có cùng nhận định thế giới đang trong thời kỳ đầy biến động, những thay đổi về kinh tế, địa chính trị và sinh thái đều tác động đến triển vọng toàn cầu. Nền kinh tế toàn cầu năm 2023 tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn, được định hình bởi tác động kéo dài của ba yếu tố: cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt do áp lực lạm phát kéo dài và lan rộng, và sự suy thoái ở Trung Quốc. Các tổ chức này đều đánh giá thấp triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 so với 2022, cụ thể: tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 sẽ chỉ đạt 1,7% theo WB, tỷ lệ này là 2,7% theo IMF, 2,2% theo OECD. Các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Khu vực đồng Euro, Trung Quốc, Ấn Độ,... trong năm nay đều được dự báo có tốc độ tăng trưởng giảm so với năm 2022, chủ yếu do triển khai các chính sách kiềm chế lạm phát của các nước, tác động của cuộc xung đột Nga-Ukraina, sự tăng trưởng chậm của Trung Quốc cùng với suy thoái thị trường bất động sản ở nước này. Dưới đây là khái quát một số dự báo chính của các tổ chức trên dự báo tình hình kinh tế thế giới năm 2023.

**Bảng 2.1.** Tổng hợp các dự báo của một số tổ chức quốc tế về tăng trưởng kinh tế tại một số nước/khu vực và thế giới

Tăng trưởng kinh tế	Dự báo của WB			Dự báo của IMF		Dự báo của OECD			Dự báo của ADB	
	Ước tính	Dự báo		Ước tính	Dự báo	Ước tính	Dự báo		Ước tính	Dự báo
	2022	2023	2024	2022	2023	2022	2023	2024	2022	2023
Thế giới	2,9	1,7	2,7	3,2	2,7	3,1	2,2	2,7		
Hoa Kỳ	1,9	0,5	1,6	1,6	1,0	1,8	0,5	1,0	1,7	0,4
Nhật Bản	1,2	1,0	0,7	1,7	1,6	1,6	1,8	0,9	1,4	1,3
Khu vực đồng Euro	3,3	0,0	1,6	3,1	0,5	3,3	0,5	1,4	3,0	0,1
OECD						2,8	0,8	1,4		
BRIC										
<i>Trung Quốc</i>	2,7	4,3	5,0	3,2	4,4	3,3	4,6	4,1	3,0	4,3
<i>Ấn Độ</i>	6,9	6,6	6,1	6,8	6,1	6,6	5,7	6,9	7,0	7,2
<i>Nga</i>	-3,5	-3,3	1,6	-3,4	-2,3	-3,9	-5,6	-0,2		
<i>Braxin</i>	3,0	0,8	2,0	2,8	1,0	2,8	1,2	1,4		
ASEAN									5,5	4,7
<i>Singapo</i>				3,0	2,3				3,3	2,3
<i>Indônêxia</i>	5,2	4,8	4,9	5,3	5,0	5,3	4,7	5,1	5,4	4,8
<i>Malaixia</i>	7,8	4,0	3,9	5,4	4,4				7,3	4,3
<i>Thái Lan</i>	3,4	3,6	3,7	2,8	3,7				3,2	4,0
<i>Việt Nam</i>	<b>7,2</b>	<b>6,3</b>	<b>6,5</b>	7,0	6,2				7,5	6,3
<i>Campuchia</i>	4,8	5,2	6,3	5,1	6,2					
<i>Lào</i>	2,5	3,8	4,2	2,2	3,1					
<i>Philippin</i>	7,2	5,4	5,9	6,5	5,0				7,4	6,0



Trung Đông và Bắc Phi	5,7	3,5	2,7						
Mỹ Latinh và Caribe	3,6	1,3	2,4	3,5	1,7				
Các nền kinh tế phát triển	2,5	0,5	1,6	2,4	1,1				
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	<b>3,4</b>	<b>3,4</b>	<b>4,1</b>	3,7	3,7				
Tăng trưởng ngoại thương thế giới (bao gồm hàng hóa và dịch vụ)	4,0	1,6	3,4	4,3	2,5				

Nguồn: WB, IMF, OECD, ADB

### **Dự báo của WB**

Theo báo cáo “Triển vọng kinh tế toàn cầu” (Global Economic Prospects) của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố ngày 10/01/2023, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 ước đạt 2,9% - mức thấp nhất trong gần 3 thập kỷ (nếu không tính các năm suy thoái kinh tế 2009 và 2020). 95% nền kinh tế phát triển và gần 70% các thị trường mới nổi và nền kinh tế đang phát triển sẽ bị giảm tăng trưởng vào năm 2023. Tăng trưởng GDP năm 2023 được dự báo chỉ đạt 1,7% và năm 2024 sẽ vào khoảng 2,7% và mức tăng trưởng trung bình cho giai đoạn 2020 - 2024 sẽ ở mức dưới 2% - tốc độ chậm nhất kể từ năm 1960. Hoa Kỳ, Khu vực đồng Euro và Trung Quốc đều suy yếu rõ rệt, với tác động lan tỏa bất lợi đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi. Theo đó, năm 2023, Hoa Kỳ sẽ chỉ tăng trưởng 0,5% GDP, Trung Quốc tăng 4,3% và Khu vực đồng Euro chỉ tăng trưởng 0%. Các nền kinh tế phát triển tăng trưởng 2,5% vào năm 2022 và chỉ còn tăng 0,5% GDP vào năm 2023. Ở các thị trường mới nổi và nền kinh tế đang phát triển (ngoại trừ Trung Quốc) tăng trưởng 3,8% năm 2022 và 2,7% vào năm 2023 (Bảng 2.2).

**Bảng 2.2:** Tổng quát triển vọng kinh tế thế giới (tỷ lệ % thay đổi so với năm trước)

	2020	2021	2022 (ước tính)	2023	2024
<b>Thế giới</b>	-3,2	5,9	2,9	1,7	2,7
<b>Các nền kinh tế phát triển</b>	-4,3	5,3	2,5	0,5	1,6
Hoa Kỳ	-2,8	5,9	1,9	0,5	1,6
Khu vực đồng Euro	-6,1	5,3	3,3	0,0	1,6
Nhật Bản	-4,3	2,2	1,2	1,0	0,7
<b>Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (EMDE)</b>	<b>-1,5</b>	<b>6,7</b>	<b>3,4</b>	<b>3,4</b>	<b>4,1</b>
Xuất khẩu hàng hóa của EMDE	-3,7	4,9	2,8	1,9	2,8
Nhập khẩu hàng hóa của EMDE	-0,4	7,6	3,6	4,1	4,8
<b>Tăng trưởng kinh tế khu vực Đông Á và Thái Bình Dương</b>	1,2	7,2	3,2	4,3	4,9

Trung Quốc	2,2	8,1	2,7	4,3	5,0
Indônêxia	-2,1	3,7	5,2	4,8	4,9
Thái Lan	-6,7	1,5	3,4	3,6	3,7
Malaysia	-5,5	3,1	7,8	4,0	3,9
<b>Việt Nam</b>	<b>2,9</b>	<b>2,6</b>	<b>7,2</b>	<b>6,3</b>	<b>6,5</b>
Lào	0,5	2,5	2,5	3,8	4,2
Campuchia	-3,1	3,0	4,8	5,2	6,3
Philippin	-9,5	5,7	7,2	5,4	5,9
<b>Châu Âu và Trung Á</b>	-1,7	6,7	0,2	0,1	2,8
Nga	-2,7	4,8	-3,5	-3,3	1,6
Thổ Nhĩ Kỳ	1,9	11,4	4,7	2,7	4,0
Ba Lan	-2,0	6,8	4,4	0,7	2,2
<b>Mỹ Latinh và vùng Caribe</b>	-6,2	6,8	3,6	1,3	2,4
Braxin	-3,3	5,0	3,0	0,8	2,0
Mêhico	-8,0	4,7	2,6	0,9	2,3
Achentina	-9,9	10,4	5,2	2,0	2,0
<b>Trung Đông và Bắc Phi</b>	-3,6	3,7	5,7	3,5	2,7
<b>Nam Á</b>	-4,5	7,9	6,1	5,5	5,8
Ấn Độ	-6,6	8,7	6,9	6,6	6,1
<b>Châu Phi cận Sahara</b>	-2,0	4,3	3,4	3,6	3,9
<b>Các nước thu nhập cao</b>	-4,3	5,3	2,7	0,6	1,6
<b>Các nước thu nhập trung bình</b>	-1,2	6,9	3,2	3,4	4,3
<b>Các nước thu nhập thấp</b>	1,6	3,9	4,0	5,1	5,6
<b>Tăng trưởng thương mại thế giới</b>	-8,2	10,6	4,0	1,6	3,4
Chỉ số giá năng lượng	52,7	95,4	151,7	130,5	118,3
Giá dầu (USD/thùng)	42,3	70,4	100,0	88,0	80,0
Chỉ số giá hàng hóa phi năng lượng	84,4	112,0	123,7	113,7	113,0

*Nguồn: Global Economic Prospects 2023, World Bank*

Cuộc khủng hoảng đối với sự phát triển kinh tế toàn cầu vẫn tiếp tục gia tăng. Các động lực tăng trưởng chính của thế giới - Hoa Kỳ, khu vực đồng euro và Trung Quốc - đều được dự đoán là sẽ tăng trưởng dưới mức tiềm năng và đóng góp của họ vào tăng trưởng toàn cầu sẽ thấp hơn nhiều so với các dự đoán gần đây. Tình trạng suy thoái diễn ra trên diện rộng: ở hầu hết tất cả các khu vực trên thế giới, tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người sẽ chậm hơn so với thập kỷ trước COVID-19. Sự thụt lùi đối với sự thịnh vượng toàn cầu có thể sẽ tiếp tục: Đến cuối năm 2024, mức GDP ở các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi (EMDE) có thể sẽ thấp hơn 6%. Ngoài ra, mức thu nhập trung bình đang bị xói mòn đáng kể do lạm phát, đồng tiền mất giá và đầu tư dưới mức vào con người và khu vực tư nhân.

### ***Dự báo của IMF***

Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (World Economic Outlook 2022) của IMF, những điều bất chắc tiếp tục tác động tiêu cực đến tăng trưởng và lạm phát toàn cầu. Theo IMF, tăng trưởng toàn cầu sẽ chậm lại, từ 6,0% năm 2021 xuống 3,2% năm 2022 và 2,7% năm 2023 (Bảng 2.3). Mục tăng trưởng này thấp hơn nhiều so với mức trung bình là 3,6% trong giai đoạn 2000–2021 (và tương tự trong giai đoạn 1970–

2021). Các dự báo cho năm 2023 của 143 nền kinh tế (chiếm 92% GDP thế giới) yếu hơn dự kiến. IMF cũng cho rằng tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 có thể là yếu nhất kể từ tốc độ tăng trưởng 2,5% trong thời kỳ suy thoái toàn cầu năm 2001 và thời kỳ đỉnh điểm của khủng hoảng COVID-19.

Ba nền kinh tế lớn nhất thế giới—Trung Quốc, khu vực đồng Euro và Hoa Kỳ—tăng trưởng chậm lại đáng kể năm 2022 và 2023, phản ánh việc thắt chặt các điều kiện tài chính toàn cầu ở hầu hết các khu vực, liên quan đến kỳ vọng tăng lãi suất mạnh hơn của các ngân hàng trung ương lớn để chống lạm phát; sự tăng trưởng chậm lại rõ rệt hơn ở Trung Quốc do thời gian phong tỏa kéo dài và cuộc khủng hoảng thị trường bất động sản ngày càng trầm trọng; và tác động lan tỏa từ cuộc chiến ở Ukraine với nguồn cung cấp khí đốt từ Nga sang châu Âu bị thắt chặt.

**Bảng 2.3.** Dự báo của IMF về tăng trưởng GDP thực tế, giá tiêu dùng và thất nghiệp của một số nước và khu vực trên thế giới

	2021			2022 (Ước tính)			2023 (Dự báo)		
	Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế	Chỉ số giá tiêu dùng	Tỷ lệ thất nghiệp	Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế	Chỉ số giá tiêu dùng	Tỷ lệ thất nghiệp	Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế	Chỉ số giá tiêu dùng	Tỷ lệ thất nghiệp
<b>Thế giới</b>	6,0			3,2			2,7		
<b>Các nền kinh tế phát triển</b>	5,2	3,1		2,4	7,2		1,1	4,4	
Hoa Kỳ	5,7	4,7	5,4	1,6	8,1	3,7	1,0	3,5	4,6
Khu vực Euro	5,2	2,6	7,7	3,1	8,3	6,8	0,5	5,7	7,0
Đức	2,6	3,2	3,6	1,5	8,5	2,9	-0,3	7,2	3,4
Pháp	6,8	2,1	7,9	2,5	5,8	7,5	0,7	4,6	7,6
Italia	6,7	1,9	9,5	3,2	8,7	8,8	-0,2	5,2	9,4
Tây Ban Nha	5,1	3,1	14,8	4,3	8,8	12,7	1,2	4,9	12,3
Nhật Bản	1,7	-0,2	2,8	1,7	2,0	2,8	1,6	1,4	2,4
Hàn Quốc	4,1	2,5	3,7	2,6	5,5	3,0	2,0	3,8	3,4
Anh	7,4	2,6	4,5	3,6	9,1	3,8	0,3	9,0	4,8
Canada	4,5	3,4	7,4	3,3	6,9	5,3	1,5	4,2	5,9
Singapo	7,6	2,3	3,7	3,0	5,5	2,1	2,3	3,0	2,1
Các nền kinh tế phát triển khác	5,3			2,8			2,3		
<b>Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển</b>	6,6			3,7			3,7		
Nga	4,7	6,7	4,8	-3,4	13,8	4,0	-2,3	5,0	4,3
<b>Các nước mới nổi và đang phát triển ở châu Á</b>	7,2	2,2		4,4	4,1		4,9	3,6	
Trung Quốc	8,1	0,9	4,0	3,2	2,2	4,2	4,4	2,2	4,1
Ấn Độ	8,7	5,5		6,8	6,9		6,1	5,1	
ASEAN-5 (Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Thái)	3,4	1,9		5,3	4,7		4,9	4,4	

Lan, Việt Nam)									
Indonesia	3,7	1,6	6,5	5,3	4,6	5,5	5,0	5,5	5,3
Thái Lan	1,5	1,2	1,5	2,8	6,3	1,0	3,7	2,8	1,0
Việt Nam	2,6	1,8	2,7	7,0	3,8	2,4	6,2	3,9	2,3
Philippin	5,7	3,9	7,8	6,5	5,3	5,7	5,0	4,3	5,4
Malaysia	3,1	2,5	4,7	5,4	3,2	4,5	4,4	2,8	4,3
<i>Các nước mới nổi và đang phát triển ở châu Âu</i>	6,8	9,5		0,0	27,8		0,6	19,4	
<i>Mỹ La Tinh và Caribê</i>	6,9	9,8		3,5	14,1		1,7	11,4	
Brazil	4,6	8,3	13,8	2,8	9,4	9,8	1,0	4,7	9,5
Mexico	4,8	5,7	4,1	2,1	8,0	3,4	1,2	6,3	3,7
<i>Trung Đông và Trung Á</i>	4,5	12,9		5,0	13,8		3,6	13,1	
<i>Châu Phi Cận Saharan</i>	4,7	11,1		3,6	14,4		3,7	11,9	
Các nước đang phát triển thu nhập thấp	4,1			4,8			4,9		
<b>Giá trị thương mại toàn cầu (Hàng hóa và dịch vụ)</b>	10,1			4,3			2,5		
Nhập khẩu ở các nền kinh tế phát triển	9,5			6,0			2,0		
Nhập khẩu ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	11,8			2,4			3,0		
Xuất khẩu ở các nền kinh tế phát triển	8,7			4,2			2,5		
Xuất khẩu ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	11,8			3,3			2,9		
Giá dầu (% tăng, giảm so với năm trước)	65,9			41,4			-12,9		
Giá tiêu dùng của thế giới (% tăng, giảm so với năm trước)	4,7			8,8			6,5		
Giá tiêu dùng ở các nền kinh tế phát triển (% tăng, giảm so với năm trước)	3,1			7,2			4,4		
Giá tiêu dùng ở các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi (% tăng, giảm so với năm trước)	5,9			9,9			8,1		

Nguồn: World Economic Outlook (WEO), IMF, 10/2022

### **Dự báo của OECD**

Trong Báo cáo Toàn cảnh Kinh tế (Economic Outlook, 22/11/2022), OECD ước tính mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 đạt 3,1%, sẽ chậm lại ở mức 2,2% vào năm 2023 và quay trở lại mức tương đối khiêm tốn 2,7% vào năm 2024.

Theo OECD, nền kinh tế toàn cầu đang quay cuồng với cuộc khủng hoảng năng lượng lớn nhất kể từ những năm 1970. Cú sốc năng lượng đã đẩy lạm phát lên mức chưa từng thấy trong nhiều thập kỷ và đang làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế trên

toàn thế giới. Châu Á sẽ là động lực tăng trưởng chính năm 2023 và 2024, trong khi Châu Âu, Bắc Mỹ và Nam Mỹ sẽ có mức tăng trưởng rất thấp.

Lạm phát cao và lãi suất tăng đang kìm hãm tăng trưởng ở Bắc Mỹ. Tại Hoa Kỳ, tiền lương thực tế đã giảm và việc thắt chặt chính sách tiền tệ đã đẩy lãi suất ở tất cả các kỳ hạn lên cao, làm suy yếu hoạt động đầu tư, đặc biệt là trên thị trường nhà đất. Lãi suất cao hơn cũng dẫn đến việc đồng đô la mạnh lên, gây trở ngại cho hoạt động xuất khẩu. Lạm phát cơ bản dự kiến sẽ quay trở lại gần với mục tiêu 2% của Cục Dự trữ Liên bang vào cuối năm 2024, cho phép nới lỏng một số chính sách tiền tệ. Nền kinh tế của Canada chịu nhiều tác động giống nhau và dự kiến sẽ có mức tăng trưởng 3,2 năm 2022, 1,0 năm 2023 và 1,3% năm 2024; với lạm phát cơ bản hướng tới mục tiêu 2% vào cuối năm 2024, cho phép nới lỏng một số chính sách tiền tệ trong nửa cuối năm đó.

Các nền kinh tế tiên tiến lớn ở châu Á được dự báo sẽ ít bị suy thoái hơn so với các khu vực khác. Tăng trưởng ở Nhật Bản được dự đoán sẽ duy trì trên mức tiềm năng, nhưng sẽ giảm dần. Giá năng lượng cao hơn đã cản trở tăng trưởng thu nhập hộ gia đình thực tế, đồng thời làm sút mẻ niềm tin và đầu tư kinh doanh, đồng thời việc mất đà phát triển kinh tế ở các đối tác thương mại chính đang cản trở tăng trưởng xuất khẩu. Chính sách tài khóa dự kiến sẽ hỗ trợ nhiều hơn trong năm 2023, nhưng sau đó thắt chặt hơn vào năm 2024. Tăng trưởng GDP của Nhật Bản dự kiến là 1,8% năm 2023 và 0,9% vào năm 2024, sau khi đạt 1,6% vào năm 2022. Tỷ lệ thất nghiệp của nước này dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong năm 2023-2024, đạt 2,4%, và thị trường lao động ngày càng thắt chặt hơn được phản ánh trong mức tăng lạm phát cơ bản dự kiến từ 0,3% năm 2022 lên 1,6% năm 2023 và 1,7% năm 2024. Đối với Hàn Quốc, nhu cầu bên ngoài yếu cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến dự báo tăng trưởng chậm lại ở nước này, cùng với tăng trưởng thu nhập khả dụng khiêm tốn và thị trường nhà đất yếu. Tăng trưởng GDP của Hàn Quốc dự kiến sẽ giảm từ 2,7% năm 2022 xuống dưới 2% một chút vào năm 2023 và 2024; lạm phát sẽ duy trì ở mức cao trong một thời gian trong năm 2023 do áp lực giá dịch vụ và tiện ích, nhưng sẽ dần dần giảm xuống dưới 2% vào cuối năm 2024.

**Bảng 2.4.** Dự báo của OECD về tăng trưởng GDP, tỷ lệ thất nghiệp, lạm phát và thương mại thế giới

	Trung bình giai đoạn 2013-2019	2021	2022	Dự báo 2023	Dự báo 2024
<b>Tăng trưởng GDP</b>					
Thế giới	3,4	5,9	3,1	2,2	2,7
G20	3,5	6,2	3,0	2,2	2,7
OECD	2,2	5,6	2,8	0,8	1,4

Hoa Kỳ	2,4	5,9	1,8	0,5	1,0
Khu vực đồng Euro	1,9	5,3	3,3	0,5	1,4
Nhật Bản	0,8	1,6	1,6	1,8	0,9
Ngoài-OECD	4,4	6,2	3,4	3,3	3,8
Trung Quốc	6,8	8,1	3,3	4,6	4,1
Ấn Độ	6,8	8,7	6,6	5,7	6,9
Brazil	-0,4	4,9	2,8	1,2	1,4
<b>Tỷ lệ thất nghiệp trong OECD</b>	6,5	6,2	5,0	5,3	5,5
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>					
G20	3,0	3,9	8,1	6,0	5,4
OECD	1,6	3,8	9,4	6,5	5,1
Hoa Kỳ	1,4	4,0	6,2	3,5	2,6
Khu vực đồng Euro	0,9	2,6	8,3	6,8	3,4
Nhật Bản	0,9	-0,2	2,3	2,0	1,7
<b>Tăng trưởng thương mại thế giới</b>	3,4	10,0	5,4	2,9	3,8

*Nguồn: OECD Economic Outlook, 22/11/2022*

Tỷ lệ thất nghiệp trên toàn OECD được dự đoán sẽ tăng lên khoảng 5,5%, cao hơn khoảng 0,5 điểm phần trăm so với mức thấp vào giữa năm 2022, với nhiều công ty giữ lại những lao động khó tuyển dụng kể từ đại dịch, trong bối cảnh tăng trưởng lực lượng lao động yếu hơn và chỉ có sự gia tăng nhỏ về tỷ lệ tham gia thị trường lao động ở hầu hết các nền kinh tế OECD trong hai năm tới. Tăng trưởng việc làm cũng được dự báo sẽ chậm lại, từ khoảng 3% trong năm 2022 ở các nền kinh tế OECD xuống còn 0,5% trung bình mỗi năm năm 2023-2024, với sự sụt giảm việc làm vào năm 2023 ở một số nền kinh tế Trung và Đông Âu, Đan Mạch, Phần Lan, Ý và Thụy Điển. Tuy nhiên, kết quả của thị trường lao động như vậy vẫn là nhẹ so với các đợt suy thoái trong quá khứ.

Lạm phát giá tiêu dùng ở nhiều nền kinh tế được OECD dự báo sẽ duy trì ở mức cao hơn trong thời gian dài hơn so với dự đoán trước đây, bất chấp việc thắt chặt chính sách tiền tệ ở nhiều nơi trên thế giới với quy mô lớn hơn, nhanh hơn và việc nói lỏng dần một số nút thắt nguồn cung trên thị trường hàng hóa. Điều này phần nào phản ánh cuộc chiến ở Ukraine, đặc biệt là ở châu Âu, nơi những tác động của việc giá khí đốt tự nhiên nhập khẩu tăng mạnh năm 2022 sẽ tiếp tục kéo dài trong năm 2023 và 2024. Tuy nhiên, lạm phát được dự báo sẽ giảm và tiệm cận mục tiêu của ngân hàng trung ương ở nhiều nền kinh tế vào năm 2024.

Lạm phát hàng năm ở các nền kinh tế OECD được dự báo sẽ giảm, từ 9,4% năm 2022 xuống 6,5% năm 2023 và 5,1% năm 2024. Áp lực lạm phát dự kiến sẽ giảm bớt ở tất cả các quốc gia, nhưng điều này có thể sẽ mất một thời gian ở những quốc gia thắt chặt kinh tế, áp lực thị trường lao động và áp lực lạm phát trên diện rộng hiện

nay. Vào năm 2023, lạm phát tổng thể được dự đoán là trên 10% trong năm thứ hai liên tiếp ở Hungary, Ba Lan, Cộng hòa Slovak và các nước vùng Baltic, đồng thời đạt mức 8% ở Đức và hơn 6,5% ở toàn bộ Khu vực đồng Euro. Ngược lại, áp lực về giá dự kiến sẽ giảm đáng kể năm 2023 và 2024 tại Hoa Kỳ, Canada, Úc và Hàn Quốc, đồng thời vẫn ở mức nhẹ tại Nhật Bản. Lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục phân hóa ở các nền kinh tế thị trường mới nổi, với lạm phát tiếp tục ở mức thấp ở Trung Quốc, lạm phát rất cao ở Argentina và Thổ Nhĩ Kỳ, và áp lực lạm phát nói chung giảm ở các quốc gia khác khi chính sách tiền tệ thắt chặt hơn có hiệu lực.

OECD dự đoán tăng trưởng khối lượng thương mại toàn cầu sẽ giảm xuống còn 2,9% năm 2023 do nhu cầu yếu đi và áp lực giá tăng lên, với sự suy giảm đặc biệt đáng chú ý ở Châu Âu và Hoa Kỳ. Tăng trưởng trở lại ở Trung Quốc sẽ giúp bù đắp phần nào sự yếu kém trong hoạt động kinh tế của OECD, nhưng nhu cầu nhập khẩu dự kiến cũng sẽ giảm ở nhiều nước nhập khẩu hàng hóa. Dự kiến sẽ có một xu hướng tăng nhẹ vào năm 2024, với tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu đạt trên 3%. Tình trạng mất cân bằng tài khoản vãng lai toàn cầu dự kiến sẽ vẫn cao hơn so với trước đại dịch. Thặng dư thương mại của Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng do xuất khẩu tăng mạnh. Trong khi đó thặng dư sẽ thấp hơn ở Nhật Bản và châu Âu, một phần do cú sốc thương mại bất lợi từ giá năng lượng nhập khẩu cao hơn. Thâm hụt tài khoản vãng lai của Hoa Kỳ sẽ chỉ giảm nhẹ trong giai đoạn dự báo. Do giá cả hàng hóa được giả định là không thay đổi ở mức cao trong các dự báo, nhiều nền kinh tế xuất khẩu dầu mỏ được cho là sẽ có thặng dư tài khoản vãng lai lớn và liên tục.

### ***Dự báo của ADB***

Báo cáo bổ sung Triển vọng phát triển kinh tế tháng 12/2022 của ADB điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng kinh tế của một số nền kinh tế lớn so với dự báo đưa ra trong tháng 9/2022. Cụ thể, dự báo tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ tăng 0,1 điểm phần trăm, đạt 1,7% trong năm 2022; khu vực đồng Euro tăng 0,5 điểm phần trăm lên mức 3%; giữ nguyên dự báo tăng trưởng của Nhật Bản ở mức 1,4%; Trung Quốc giảm 0,3 điểm phần trăm xuống còn 3%.

Các yếu tố chính tiếp tục cản trở sự phục hồi ở các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á: Phong tỏa tái diễn tại Trung Quốc do COVID-19 và cuộc xung đột Nga - Ukraine làm chậm tăng trưởng toàn cầu. Ước tính tăng trưởng cho khu vực năm 2022 là 4,2% và tăng lên 4,6% năm 2023. Lạm phát của khu vực ước tính đạt 4,4% năm 2022 và dự báo giảm xuống 4,2% năm 2023. Ngay cả với sự suy giảm triển vọng chung toàn cầu, nhưng các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á sẽ vẫn có mức tăng trưởng tốt hơn các khu vực khác, cũng như chịu lạm phát ít hơn so với hầu hết các khu vực khác.

Ước tính tăng trưởng của Đông Á chỉ là 2,9% năm 2022, do tác động từ hạn chế di chuyển ở Trung Quốc, nhưng có thể đạt 4,0% năm 2023. Khu vực Nam Á có mức tăng trưởng ước tính là cho năm 2022 là 6,5% nhưng dự báo sẽ giảm xuống còn 6,3% năm 2023. Ước tính tăng trưởng GDP năm 2022 của khu vực Đông Nam Á là 5,5% do phục hồi tiêu dùng và du lịch Malaixia, Philippin, Thái Lan và Việt Nam; dự báo tỷ lệ này giảm còn 4,7% năm 2023 do nhu cầu toàn cầu suy yếu.

Tuy nhiên, ADB cũng cảnh báo có rất nhiều rủi ro vì những “con gió ngược” có thể trở nên tồi tệ hơn, cùng với rủi ro địa chính trị và biến đổi khí hậu.

**Bảng 2.5.** Dự báo của ADB về tăng trưởng kinh tế của một số nước năm 2023 và 2024

Tăng trưởng kinh tế	Tăng trưởng GDP		Tỷ lệ lạm phát	
	Ước tính	Dự báo	Ước tính	Dự báo
	2022	2023	2022	2023
Hoa Kỳ	1,7	0,4		
Nhật Bản	1,4	1,3		
Khu vực đồng Euro	3,0	0,1		
Các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á	4,2	4,6	4,4	4,2
Đông Á	2,9	4,0	2,4	2,4
<i>Trung Quốc</i>	3,0	4,3	2,1	2,3
Nam Á	6,5	6,3	8,2	7,9
<i>Ấn Độ</i>	7,0	7,2	6,7	5,8
Đông Nam Á				
<i>Singapo</i>	3,3	2,3	6,0	5,5
<i>Indônêxia</i>	5,4	4,8	4,2	5,0
<i>Malaixia</i>	7,3	4,3	3,0	3,0
<i>Thái Lan</i>	3,2	4,0	6,3	2,7
<i>Việt Nam</i>	7,5	6,3	3,5	4,5

Nguồn: Asian Development Outlook Supplement, 12/2022

### **Dự báo chung về một số vấn đề nổi bật năm 2023**

#### *Thương mại*

Mặc dù áp lực của chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn cao hơn mức trước đại dịch, nhưng áp lực này đã giảm bớt kể từ giữa năm 2022, thể hiện qua chi phí vận chuyển thấp hơn và bình thường hóa hàng tồn kho. Nhu cầu đối với hàng hóa yếu đi dự kiến sẽ làm giảm những áp lực này hơn nữa trong năm 2023. Sau khi giảm xuống còn 4% năm 2022, tăng trưởng thương mại toàn cầu dự kiến sẽ giảm xuống còn 1,6% vào năm 2023, phần lớn phản ánh nhu cầu toàn cầu suy yếu. Thương mại được dự đoán sẽ đặc biệt trầm lắng ở các nước EMDE có các mối liên kết thương mại mạnh mẽ với các nền kinh tế lớn, nơi nhu cầu dự kiến sẽ giảm mạnh. Nhìn chung, sự phục hồi sau suy thoái kinh tế hiện nay của thương mại toàn cầu tất nhiên là yếu nhất trong lịch sử. Du lịch và lữ hành dự kiến sẽ tăng hơn nữa nhưng sẽ bị hạn chế bởi hoạt động kinh tế toàn cầu chậm và chi phí đầu vào cao. Thương mại hàng hóa dự kiến sẽ giảm do nhu cầu yếu



và xu hướng tiêu dùng dần chuyển sang dịch vụ.

Nhu cầu toàn cầu yếu hơn dự kiến và tắc nghẽn chuỗi cung ứng mới gây ra những rủi ro tiêu cực đối với triển vọng thương mại toàn cầu. Ngoài ra, chủ nghĩa bảo hộ thương mại ngày càng gia tăng, mạng lưới thương mại bị phân mảnh và những lo ngại về an ninh đối với chuỗi cung ứng có thể làm tăng chi phí thương mại và làm chậm tăng trưởng thương mại.

#### *Thị trường hàng hóa*

Trong tương lai, giá năng lượng dự kiến sẽ giảm năm 2023 nhưng vẫn cao hơn so với dự báo trước đây, chủ yếu phản ánh sự điều chỉnh tăng giá than. Giá dầu thô được dự đoán sẽ giảm xuống mức trung bình 88 USD/thùng năm 2023, thấp hơn 4 USD/thùng so với các dự báo trước đó. Việc điều chỉnh giảm chủ yếu là do tăng trưởng toàn cầu chậm lại và nhu cầu dầu mỏ yếu đi trong năm 2023, đặc biệt là ở châu Âu. Xuất khẩu dầu của Nga dự kiến sẽ giảm trong năm 2023 do các lệnh trừng phạt bổ sung của EU bắt đầu từ tháng 12 năm 2022 đối với dầu thô và sẽ bắt đầu vào tháng 2 năm 2023 đối với các sản phẩm dầu mỏ. Tuy nhiên, mức giảm tổng thể trong xuất khẩu của Nga có thể sẽ nhỏ hơn so với dự kiến ban đầu, vì mức trần giá dầu của G7 sẽ cho phép các quốc gia nhập khẩu dầu từ Nga tiếp tục tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm của EU và Vương quốc Anh, miễn là họ tuân thủ mức giá trần. Ngoài Nga, nguồn cung dầu sẽ tăng nhẹ, chủ yếu từ Mỹ, trong khi sản lượng của OPEC+ sẽ vẫn tuân theo thỏa thuận sản xuất của họ.

Đối với khí đốt tự nhiên, giá trung bình hàng năm được dự báo sẽ giảm trong năm 2023. Nhu cầu về khí đốt tự nhiên dự kiến sẽ giảm năm 2023 do các hộ gia đình và người sử dụng công nghiệp giảm mức tiêu thụ, trong khi tốc độ tăng trưởng nhanh trong sản xuất năng lượng tái tạo sẽ giúp giảm nhu cầu về khí đốt tự nhiên để phát điện. Xuất khẩu từ Nga dự kiến sẽ vẫn thấp hơn đáng kể so với trước khi bắt đầu cuộc chiến ở Ukraina. Ngoài ra, cạnh tranh về khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) sẽ vẫn gay gắt ở cấp độ toàn cầu, do các nước châu Âu tiếp tục nhập khẩu khối lượng lớn LNG để thay thế lượng nhập khẩu thấp hơn từ Nga. Giá than sẽ giảm từ mức cực kỳ cao khi sản xuất tăng, đặc biệt là ở Trung Quốc và Ấn Độ.

Rủi ro chính đối với dự báo giá năng lượng là tăng trưởng toàn cầu yếu hơn dự kiến. Tiêu thụ dầu cũng có thể thấp hơn do các hạn chế liên quan đến đại dịch dai dẳng hơn ở Trung Quốc. Rủi ro tăng giá chủ yếu liên quan đến yếu tố nguồn cung. Sản xuất dầu đá phiến của Hoa Kỳ có thể gây thất vọng khi các nhà sản xuất tập trung vào việc trả lại tiền mặt cho các cổ đông hơn là tăng sản lượng. Sự gián đoạn đối với hoạt động xuất khẩu của Nga có thể lớn hơn dự kiến, trong khi việc ngừng chiến tranh ở Ukraina có thể làm giảm bớt các vấn đề về nguồn cung. Công suất dự phòng giữa

các thành viên OPEC là tối thiểu và các thành viên OPEC+ tiếp tục sản xuất dưới mức mục tiêu, một phần là do mức đầu tư thấp vào sản xuất mới trong những năm gần đây. Mùa đông lạnh giá ở châu Âu có thể khiến lượng khí đốt dự trữ giảm xuống mức rất thấp, cần phải bổ sung thêm trong năm 2023 và châu Âu có thể gặp khó khăn trong việc bổ sung lượng khí đốt dự trữ trước mùa đông năm 2023.

#### *Giá lương thực và kim loại*

Giá nông sản dự kiến sẽ giảm 5% trong năm 2023 sau khi tăng 13% vào năm 2022, phần lớn phản ánh triển vọng sản xuất toàn cầu tốt hơn và chi phí đầu vào giảm, đặc biệt là phân bón. Tuy nhiên, giá dự kiến sẽ duy trì trên mức trước đại dịch. Rủi ro tăng giá lương thực bao gồm khả năng giá phân bón sẽ tăng do giá khí đốt tự nhiên cao hơn và việc đóng cửa một số nhà sản xuất phân bón ở châu Âu, cũng như ảnh hưởng của La Niña năm thứ ba liên tiếp.

Mất an ninh lương thực vẫn là một thách thức nghiêm trọng ở một số nước EMDE, do các hạn chế thương mại thực phẩm được áp đặt vào năm ngoái, các sự kiện liên quan đến thời tiết và tác động của cuộc xung đột Nga-Ukraina và xung đột ở những nơi khác. Do đó, khoảng 220 triệu người có thể sẽ phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực nghiêm trọng, con số này có thể tăng cao hơn nữa nếu rủi ro tăng giá lương thực trở thành hiện thực.

Giá kim loại dự kiến sẽ giảm 15% năm 2023 do tăng trưởng toàn cầu chậm lại. Sự suy yếu trong thị trường bất động sản của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu, mặc dù điều này có thể được giảm bớt bởi chi tiêu cho cơ sở hạ tầng. Nhu cầu về kim loại từ lĩnh vực năng lượng tái tạo - do giá nhiên liệu hóa thạch cao trở nên cạnh tranh hơn - có khả năng duy trì ở mức cao trong năm 2023. Giá kim loại có thể cao hơn dự kiến nếu chi phí năng lượng tăng cao khiến các nhà máy luyện kim phải đóng cửa và giảm sản lượng kim loại tinh chế.

#### *Lạm phát toàn cầu*

Kết quả là kỳ vọng lạm phát ngắn hạn (một năm tới) đã tăng lên ở hầu hết các nền kinh tế. Ngược lại, kỳ vọng lạm phát dài hạn (5 năm tới) tương đối ổn định hơn, chỉ tăng khoảng 0,15 điểm phần trăm ở cả các nền kinh tế tiên tiến và EMDE. Sự ổn định này có thể phản ánh độ tin cậy của cam kết đối phó với lạm phát của hầu hết các ngân hàng trung ương, được củng cố bởi việc thắt chặt chính sách tiền tệ gần đây.

Áp lực lạm phát bắt đầu giảm dần vào cuối năm 2022, phản ánh nhu cầu suy yếu và giá hàng hóa giảm. Tỷ lệ các quốc gia có lạm phát gia tăng đang có xu hướng giảm. Trong bối cảnh thắt chặt tiền tệ đáng kể, hoạt động kinh tế chậm lại, giảm bớt sự gián đoạn chuỗi cung ứng và điều chỉnh giá đối với nhiều mặt hàng phi năng lượng, cả lạm phát cơ bản và lạm phát toàn phần dự kiến sẽ giảm trong năm 2023 và 2024. Tuy

nhiên, ở nhiều quốc gia, lạm phát cơ bản cao bất ngờ kéo dài, cho thấy lạm phát toàn cầu sẽ tiếp tục tăng trong thời gian dài hơn so với dự kiến trước đây.

*Khó khăn đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi*

Các báo cáo của các tổ chức quốc tế trên đều cho thấy triển vọng tăng trưởng toàn cầu tiếp tục chịu tác động của các cú sốc tiêu cực. Để kiềm chế lạm phát cao và giải quyết những lo ngại về uy tín chống lạm phát bị giảm sút, các ngân hàng trung ương lớn đã chuyển hướng sang chính sách chặt chẽ hơn, đã góp phần thắt chặt đáng kể các điều kiện tài chính toàn cầu. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ tài khóa được đưa ra trước đó trong đại dịch đã được thu hẹp lại trong bối cảnh chi phí đi vay gia tăng và lo ngại lạm phát có thể gây ra. Mặc dù có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia, nhưng chính sách tài khóa được dự đoán sẽ là lực cản nhẹ đối với tăng trưởng toàn cầu. Những tác động bất lợi của cuộc xung đột Nga-Ukraina vẫn tồn tại, đặc biệt là những tác động liên quan đến sự gián đoạn nguồn cung hàng hóa. Triển vọng tăng trưởng suy yếu kèm với tâm lý lo ngại của người tiêu dùng ở mức chưa từng thấy kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Quy mô và tính chất đồng bộ của việc thắt chặt chính sách đang gây ra lực cản đáng kể đối với quá trình phục hồi sau cuộc suy thoái toàn cầu năm 2020. Các động lực tăng trưởng chính của thế giới - Hoa Kỳ, khu vực đồng euro và Trung Quốc - đều được dự đoán là sẽ tăng trưởng dưới mức tiềm năng và đóng góp của họ vào tăng trưởng toàn cầu sẽ thấp hơn nhiều so với các dự đoán gần đây. Các tác động lan tỏa liên quan sẽ làm phức tạp thêm những thách thức mà các nước EMDE phải đối mặt, trong khi họ vốn đang phải vật lộn với các điều kiện trong nước suy yếu. Sự phát triển chậm lại đặc biệt rõ rệt đối với các lĩnh vực nhạy cảm với lãi suất. Đặc biệt, đầu tư nhà ở đang bị thu hẹp hoàn toàn ở nhiều quốc gia trong bối cảnh lãi suất thế chấp tăng mạnh, trong khi đầu tư kinh doanh đã chậm lại đáng kể.

Trên toàn cầu, lạm phát cao đã được chứng minh là lâu dài hơn so với giả định trước đây và lạm phát ngắn hạn có thể duy trì trên mức trung bình trước đại dịch và trên mức mục tiêu của ngân hàng trung ương ở nhiều quốc gia trong một thời gian dài. Cả dự báo lạm phát dựa trên mô hình và khảo sát đều cho thấy rằng các thành phần cốt lõi và không cốt lõi của lạm phát CPI toàn cầu đạt đỉnh vào cuối năm 2022 và sẽ dần chậm lại khi giá của nhiều mặt hàng ở mức vừa phải. Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ 7,6% năm 2022 xuống 5,2% năm 2023 và 3,2% năm 2024, vẫn cao hơn mức trung bình 2,3% giai đoạn 2015-2019. Lạm phát toàn phần giảm tốc trong năm nay dự kiến chủ yếu do giá cả nhiều mặt hàng đang giảm; hơn nữa, lạm phát cơ bản dự kiến sẽ chậm lại đáng kể trong năm tới nhưng vẫn ở trên mức trước đại dịch.

Tình hình trong năm 2023 trở nên đặc biệt đáng lo ngại đối với nhiều nền kinh tế

nghèo nhất, nơi mà quá trình giảm nghèo đã bị đình trệ. Tổng nợ trong các nước EMDE đang ở mức cao nhất trong 50 năm và xung đột giữa Nga và Ukraine đã làm tăng thêm chi phí mới. Điều này không còn chỗ cho hỗ trợ tài chính vào thời điểm mà thế giới đang phải khắc phục những hậu quả liên quan đến COVID về sức khỏe, giáo dục và dinh dưỡng.

Trong hai năm tới, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người ở các nước EMDE dự kiến chỉ ở mức trung bình 2,8%, thấp hơn so với mức trung bình của giai đoạn 2010-2019. Từ năm 2020 đến năm 2024, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người ở các nước EMDE trừ Trung Quốc được dự đoán sẽ gần bằng với tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người ở các nền kinh tế tiên tiến. Ở những khu vực dễ bị tổn thương và bị ảnh hưởng bởi xung đột, thu nhập bình quân đầu người dự kiến sẽ giảm vào năm 2024.

Sự phục hồi sẽ đặc biệt khó khăn ở những nơi có tỷ lệ nghèo đói cao nhất. Ở châu Phi cận Sahara, nơi sinh sống của 60% người nghèo trên thế giới, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người dự kiến chỉ ở mức trung bình 1,2% trong hai năm tới, đây là tốc độ có thể khiến tỷ lệ nghèo tăng chứ không giảm.

#### *Thiếu hụt đầu tư sau đại dịch*

Sự thiếu hụt trong khoản đầu tư mới cần thiết để khắc phục những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển. Tổng đầu tư vào các EMDE được dự đoán chỉ tăng trung bình 3,5% từ năm 2022 đến năm 2024. Con số này thấp hơn một nửa so với tốc độ trung bình trong hai thập kỷ trước và thấp hơn tốc độ cần thiết để duy trì lượng vốn dự trữ. Trong bối cảnh lãi suất toàn cầu tăng mạnh, nhu cầu tài chính lớn đối với vốn toàn cầu của chính phủ các nền kinh tế tiên tiến cho thấy một sự chuyển dịch các nguồn lực quan trọng ra khỏi các nước EMDE.

Tăng trưởng đầu tư vào các nước EMDE trong suốt trung hạn dự kiến sẽ duy trì dưới tốc độ trung bình trong hai thập kỷ qua. Triển vọng ảm đạm này diễn ra sau sự suy giảm tăng trưởng đầu tư trên diện rộng về mặt địa lý trong thập kỷ trước khi xảy ra đại dịch COVID-19. Trong hai thập kỷ qua, tăng trưởng đầu tư gắn liền với tăng trưởng sản lượng thực tế mạnh, tăng trưởng tín dụng thực tế mạnh, cải thiện các điều kiện thương mại, tăng trưởng dòng vốn và thúc đẩy cải cách môi trường đầu tư. Tất cả những yếu tố này đều có xu hướng suy giảm kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2009. Tăng trưởng đầu tư yếu là một mối lo ngại vì nó làm giảm tốc độ tăng trưởng tiềm năng, thương mại yếu kém và khiến việc đạt được các mục tiêu liên quan đến phát triển và khí hậu trở nên khó khăn hơn. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng đầu tư cần được điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh của quốc gia nhưng bao gồm các cải cách cơ cấu và tài chính toàn diện, bao gồm cả việc tái sử dụng các khoản chi

cho các khoản trợ cấp không hiệu quả. Với không gian tài chính hạn chế của các nước EMDE, cộng đồng quốc tế sẽ cần mở rộng đáng kể quy mô hợp tác quốc tế và tài trợ và tài trợ chính thức cũng như giúp tận dụng nguồn tài chính của khu vực tư nhân để có đủ đầu tư.

*Các quốc gia nhỏ: Khủng hoảng chéo, nhiều thách thức*

Các nền kinh tế nhỏ bị ảnh hưởng đặc biệt nặng nề bởi COVID-19, phần lớn là do sự gián đoạn kéo dài đối với du lịch toàn cầu. Hiện đang phải đối mặt với tác động lan tỏa từ cuộc xung đột Nga - Ukraina và chu kỳ thắt chặt tiền tệ toàn cầu, các quốc gia nhỏ dự kiến sẽ có sự phục hồi yếu với những tổn thất lớn và có thể là lâu dài đối với mức sản lượng. Các quốc gia nhỏ rất đa dạng về đặc điểm kinh tế, nhưng chúng có chung các thuộc tính khiến chúng đặc biệt dễ bị tổn thương trước các cú sốc, bao gồm sự phụ thuộc vào nhập khẩu hàng hóa thiết yếu, nền kinh tế tập trung cao độ, mức nợ cao, phụ thuộc vào nguồn tài chính bên ngoài và dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai và khí hậu thay đổi. Các nhà hoạch định chính sách ở các quốc gia nhỏ có thể cải thiện triển vọng tăng trưởng dài hạn bằng cách xây dựng không gian tài khóa, thúc đẩy đa dạng hóa kinh tế hiệu quả và cải thiện khả năng phục hồi trước biến đổi khí hậu. Cần phải tăng cường hợp tác quốc tế để hỗ trợ các quốc gia nhỏ giải quyết các thách thức của họ. Cộng đồng toàn cầu có thể hỗ trợ các quốc gia nhỏ trong những nỗ lực này bằng cách duy trì dòng hỗ trợ chính thức, giúp khôi phục và duy trì tính bền vững của nợ, tạo thuận lợi cho thương mại và hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu.

*Rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng*

Sự kết hợp giữa tăng trưởng chậm lại, lạm phát cao liên tục và thắt chặt các điều kiện tài chính trong bối cảnh mức nợ cao làm tăng nguy cơ căng thẳng tài chính, áp lực tài khóa tiếp tục và đầu tư yếu ở nhiều quốc gia. Các dự báo cơ bản giả định rằng các ngân hàng trung ương thắt chặt chính sách tiền tệ rộng rãi phù hợp với kỳ vọng của thị trường và có thể giảm lạm phát mà không gây ra căng thẳng tài chính đáng kể. Những giả định này có thể tỏ ra lạc quan theo hai cách. Đầu tiên, lạm phát dai dẳng hơn có thể thúc đẩy thắt chặt tiền tệ hơn đáng kể. Thứ hai, việc thắt chặt tiền tệ mạnh hơn và chi phí đi vay toàn cầu gia tăng, trong bối cảnh triển vọng tăng trưởng yếu, có thể khiến các nhà đầu tư đánh giá lại tính bền vững của gánh nặng nợ lớn và đang gia tăng ở nhiều quốc gia. Điều này có thể dẫn đến căng thẳng tài chính ảnh hưởng đến một lượng lớn các nước EMDE. Nếu những rủi ro này trở thành hiện thực, các dự báo cho thấy nền kinh tế toàn cầu có thể rơi vào suy thoái vào năm 2023, thu nhập bình quân đầu người giảm xuống.

Ngoài những rủi ro xung quanh việc thắt chặt tiền tệ và điều kiện tài chính toàn cầu, một số diễn biến khác có thể làm xấu đi quỹ đạo tăng trưởng của nền kinh tế toàn

cầu. Thứ nhất, hoạt động kinh tế ở Trung Quốc có thể yếu hơn dự kiến do sự gián đoạn ngày càng trầm trọng từ COVID-19 hoặc căng thẳng trong lĩnh vực bất động sản.

Thứ hai, căng thẳng địa chính trị, vốn gia tăng rõ rệt sau cuộc xung đột Nga-Ukraina, có thể gia tăng hơn nữa và bao trùm một nhóm quốc gia lớn hơn. Việc gia tăng chiến tranh ở Ukraina, hoặc gia tăng xung đột ở những nơi khác, có thể gây ra những tác động kinh tế đáng kể thông qua thị trường hàng hóa và tài chính, các mối liên kết thương mại và di cư, sự không chắc chắn, niềm tin và khả năng căng thẳng tài chính gia tăng ở các quốc gia bị ảnh hưởng. Sau sự xáo trộn về thương mại và tài chính do đại dịch, mức độ căng thẳng địa chính trị hiện nay đã khiến một số nhà hoạch định chính sách thực hiện các bước tiếp theo để tách khỏi các mạng lưới thương mại và tài chính toàn cầu, vốn đã làm gia tăng sự không chắc chắn về chính sách thương mại toàn cầu. Nhiều quốc gia đang tìm cách định hướng lại chuỗi cung ứng sao cho các đầu vào chính được sản xuất trong nước hoặc với một nhóm đối tác hẹp. Tương tự như vậy, một số quốc gia đang tìm cách giảm bớt tính dễ bị tổn thương của hệ thống tài chính và tài sản nước ngoài của họ trước các hành động chính sách của các quốc gia khác. Các thị trường năng lượng, đặc biệt là ở châu Âu, đang trải qua những gián đoạn lớn do các lệnh trừng phạt Nga và các tác động lan tỏa liên quan. Trong ngắn hạn, bất ổn địa chính trị và khả năng phân chia thị trường tài chính, thương mại và hàng hóa thành các khối khu vực có thể dẫn đến một làn sóng gián đoạn sản xuất mới và giá cao hơn đối với hàng hóa và hàng hóa được giao dịch toàn cầu, như đã xảy ra trong quá khứ. Ngay cả khi chiến tranh không trở nên tồi tệ hơn, thì các rào cản nhập khẩu có khả năng làm chậm hoạt động đầu tư, thương mại, năng suất và tiến trình chống đói nghèo. Ngoài những tác động nhân đạo của chúng, căng thẳng leo thang có thể đẩy nhanh xu hướng tái lập các chuỗi cung ứng không hiệu quả, khiến hệ thống tài chính rơi vào tình trạng căng thẳng và làm gián đoạn nguồn cung hàng hóa.

Thứ ba, những rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu đang gia tăng, như sóng nhiệt và lũ lụt. Trong ngắn hạn, các thảm họa liên quan đến khí hậu có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh tế; về lâu dài, biến đổi khí hậu có thể khiến một số khu vực đông dân cư không thể ở được, năng suất thấp hơn và làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói trên toàn cầu. Thế giới đang trải qua ngày càng nhiều các sự kiện thời tiết khắc nghiệt, phá kỷ lục liên quan đến biến đổi khí hậu. Ví dụ, những đợt nắng nóng gay gắt gần đây, bao gồm cả ở châu Âu và Trung Quốc, đã gây ra tổn thất đáng kể về con người và hệ thống điện quá tải. Các con sông lớn đã cạn kiệt ở châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Quốc, cản trở giao thông và nguồn cung cấp nước. Lũ lụt ở Pakistan đã làm

ngập 1/3 diện tích đất nước, trong khi hạn hán ở Nam Mỹ đe dọa sản xuất nông nghiệp và các hệ sinh thái rộng lớn hơn. Những sự kiện cực đoan như vậy ngày càng có khả năng xảy ra khi sự nóng lên toàn cầu làm gia tăng những tổn thất và thiệt hại dự kiến liên quan đến biến đổi khí hậu.

Khí hậu toàn cầu có thể đang tiến gần đến “điểm tới hạn”, tại đó những thay đổi diễn ra và tăng tốc theo những cách gây hại. Chúng bao gồm mực nước biển dâng cao do các tảng băng tan chảy, sự sụp đổ nhanh chóng của các quần thể sinh vật lớn như rừng nhiệt đới Amazon hoặc các rạn san hô, hoặc lượng carbon thoát ra từ băng vĩnh cửu tan. Trong ngắn hạn, những thảm họa này hoặc các thảm họa khác liên quan đến khí hậu có thể gây ra tổn thất đáng kể về con người, làm hư hại cơ sở hạ tầng và làm gián đoạn hoạt động kinh tế. Thảm họa cũng có thể làm tăng thêm số người phải di dời, với những tác động không cân xứng đối với người nghèo. Chúng cũng có thể làm xấu đi tình hình tài chính của chính phủ thông qua các khoản thu thuế thấp hơn và năng suất thấp hơn bên cạnh việc tăng chi tiêu cho tái thiết và các dịch vụ công cộng. Chúng có thể làm gián đoạn nguồn cung hàng hóa vốn đã khan hiếm, làm gián đoạn chuỗi cung ứng hoặc làm tăng nhu cầu sưởi ấm hoặc làm mát trong bối cảnh giá năng lượng vốn đã cao. Những thay đổi về khí hậu có thể làm gia tăng thêm tình trạng mất an ninh lương thực ở những vùng có số lượng lớn nông dân tự cung tự cấp thiếu nguồn lực để dễ dàng điều chỉnh sản xuất. Về lâu dài, biến đổi khí hậu có thể khiến một số khu vực đông dân cư không thể ở được, năng suất thấp hơn và làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói trên toàn cầu.

Ngoài ra, trong bối cảnh lạm phát cao và các cú sốc cung tiêu cực lặp đi lặp lại, có sự không chắc chắn đáng kể về tác động của chính sách ngân hàng trung ương cả về cường độ và thời gian. Do đó, nguy cơ sai lầm về chính sách tăng cao. Lạm phát toàn cầu có thể bị đẩy lên cao hơn do gián đoạn nguồn cung mới, bao gồm cả các mặt hàng chủ chốt, và lạm phát cơ bản tăng cao có thể kéo dài. Để kiểm soát lạm phát, các ngân hàng trung ương có thể cần tăng lãi suất nhiều hơn dự kiến hiện nay. Căng thẳng tài chính giữa các chính phủ, ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng có thể là kết quả của sự kết hợp giữa thắt chặt tiền tệ bổ sung, tăng trưởng yếu hơn và niềm tin giảm sút trong môi trường nợ tăng cao. Trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu vốn đã yếu, sự kết hợp giữa thắt chặt chính sách tiền tệ mạnh mẽ hơn và căng thẳng tài chính có thể dẫn đến suy thoái rõ rệt hơn hoặc thậm chí là suy thoái toàn cầu trong năm. Tăng trưởng yếu hơn dự kiến ở Trung Quốc trong bối cảnh đại dịch, khủng hoảng trong lĩnh vực bất động sản, căng thẳng địa chính trị gia tăng và sự phân mảnh thương mại, và biến đổi khí hậu cũng có thể dẫn đến tăng trưởng chậm hơn rõ rệt.

Cuối cùng, sự thiếu hụt liên tục trong đầu tư vào các nước EMDE tạo ra sự kìm

hãm tất cả các mục tiêu phát triển và khí hậu. Đầu tư chậm chạp làm suy yếu tốc độ tăng trưởng sản lượng tiềm năng, làm giảm khả năng của các nền kinh tế trong việc tăng thu nhập trung bình, thúc đẩy thịnh vượng chung và trả nợ. Tích lũy vốn chậm cản trở những tiến bộ về công nghệ và năng suất, cản trở tăng trưởng kinh tế nói chung. Nó cũng cản trở khả năng của các quốc gia trong việc giải quyết biến đổi khí hậu và đạt được đầy đủ các nhu cầu phát triển như tiếp cận điện, nước sạch và đạt được các kỹ năng học tập cơ bản.

## **2.2. Triển vọng kinh tế ở một số nền kinh tế và khu vực**

### ***Các nền kinh tế tiên tiến***

Tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế tiên tiến đã chậm lại từ 5,3% năm 2021 xuống còn ước tính là 2,5% năm 2022 - mức giảm tốc nhanh thứ tư trong vòng 5 thập kỷ qua. Các điều kiện kinh tế xấu đi đáng kể trong nửa cuối năm 2022 do lạm phát cao làm xói mòn sức mua của các hộ gia đình và làm giảm niềm tin, trong khi việc thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh chóng đè nặng lên nhu cầu. Giá nhà đất và hoạt động liên quan đến bất động sản đã hạ nhiệt. Việc cung cấp khí đốt cho khu vực đồng euro đã bị gián đoạn bởi cuộc xung đột Nga - Ukraina, đẩy giá năng lượng và lạm phát lên cao, cản trở sản xuất công nghiệp và gây ra sự bất ổn.

Tăng trưởng ở các nền kinh tế tiên tiến được dự đoán sẽ giảm mạnh xuống còn 0,5% năm 2023, do các ngân hàng trung ương tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ để kiềm chế áp lực lạm phát, thị trường lao động thiếu khởi sắc và tình trạng gián đoạn thị trường năng lượng ở châu Âu vẫn tiếp diễn. Tăng trưởng dự kiến sẽ tăng nhẹ vào năm 2024, khi các trở ngại về chính sách giảm bớt và thị trường năng lượng ổn định.

Tại Hoa Kỳ, giá lương thực và năng lượng tăng cao, cùng với thị trường lao động thắt chặt, đã đẩy lạm phát năm 2022 lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ, trước khi áp lực giá bắt đầu giảm bớt vào cuối năm 2022. Điều này đã thúc đẩy việc thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh nhất trong hơn 40 năm qua. Nhìn chung, tăng trưởng cho năm 2022 được ước tính chậm lại ở mức 1,9% do việc củng cố tài khóa đáng kể - giá trị khoảng 5% GDP - cộng thêm những trở ngại của chính sách tiền tệ. Việc tiếp tục thắt chặt chính sách kinh tế vĩ mô để kiềm chế áp lực lạm phát trong năm nay dự kiến sẽ làm trầm trọng thêm tác động trễ của việc tăng lãi suất đáng kể năm 2022 và gây thêm áp lực lên hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ. Theo WB, tăng trưởng kinh tế nước này được dự đoán sẽ giảm xuống 0,5% năm 2023 - mức tăng trưởng yếu nhất sau suy thoái kể từ năm 1970. Lạm phát dự kiến sẽ giảm nhẹ năm 2023 khi thị trường lao động bớt căng thẳng và áp lực tiền lương giảm bớt. Theo IMF, tăng trưởng ở Hoa Kỳ được dự đoán sẽ giảm từ 5,7% năm 2021 xuống 1,6% năm 2022 và 1,0% năm 2023. Thu nhập khả dụng thực tế giảm tiếp tục ảnh hưởng đến nhu cầu của người tiêu dùng



và lãi suất cao hơn đang gây ra tác động nghiêm trọng đến chi tiêu, đặc biệt là chi tiêu cho nhà ở.

*Tại Khu vực đồng Euro*, hoạt động kinh tế trong nửa đầu năm 2022 đã vượt quá mong đợi. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm, hoạt động kinh tế suy yếu đáng kể do giá năng lượng tăng cao và sự không chắc chắn về nguồn cung, kết hợp với chi phí đi vay tăng. Lạm phát tăng cao kỷ lục dẫn đến việc cắt giảm nguồn cung cấp khí đốt tự nhiên và tăng giá năng lượng - mặc dù có một số điều chỉnh gần đây nhưng vẫn cao hơn nhiều so với mức trước xung đột Nga-Ukraina. Các biện pháp tài khóa mở rộng do các chính phủ châu Âu đưa ra nhằm giảm bớt tác động của việc tăng giá năng lượng đối với các hộ gia đình và doanh nghiệp.

Trong năm 2023, tăng trưởng của Khu vực đồng Euro được WB dự báo là 0% và chỉ phục hồi lên 1,6% năm 2024. Hoạt động kinh tế dự kiến sẽ giảm trong nửa đầu năm 2023 trước khi ổn định vào cuối năm. Lạm phát dự kiến sẽ ở mức vừa phải khi thị trường lao động hạ nhiệt và giá năng lượng giảm.

Theo IMF, Khu vực đồng Euro có tốc độ tăng trưởng chậm lại ít rõ rệt so với ở Hoa Kỳ năm 2022 nhưng dự kiến sẽ rõ rệt hơn trong năm 2023. Tăng trưởng ước tính là 3,1% năm 2022 và 0,5% vào năm 2023. Tuy nhiên, có sự không đồng nhất đáng kể giữa các quốc gia thành viên riêng lẻ: Tại Ý và Tây Ban Nha, sự phục hồi của các dịch vụ liên quan đến du lịch và sản xuất công nghiệp trong nửa đầu năm 2022 đã góp phần vào mức tăng trưởng dự kiến lần lượt là 3,2% và 4,3% năm 2022; ở Pháp và Đức lần lượt là 2,5% và 1,5% năm 2022. Sự suy giảm tăng trưởng có thể nghiêm trọng đối với Đức, với mức dự báo -0,2% trong năm 2023. Tăng trưởng yếu trong năm 2023 trên khắp châu Âu phản ánh tác động lan tỏa từ cuộc chiến ở Ukraine, đặc biệt là đối với các nền kinh tế chịu tác động nhiều nhất từ việc cắt giảm nguồn cung khí đốt của Nga, và các điều kiện tài chính thắt chặt hơn, cộng với việc Ngân hàng Trung ương châu Âu đã nhanh chóng tăng lãi suất chính sách lên 50 điểm cơ bản vào tháng 7 năm 2022 và 75 điểm cơ bản vào tháng 9 năm 2022.

Ở *Vương quốc Anh* cũng vậy, tăng trưởng được ước tính ở mức 3,6% năm 2022 và dự báo chỉ đạt 0,3% năm 2023 do lạm phát cao làm giảm sức mua và chính sách tiền tệ thắt chặt hơn sẽ ảnh hưởng đến chi tiêu của người tiêu dùng và đầu tư kinh doanh.

*Tại Nhật Bản*, tăng trưởng chậm lại năm 2022 do giá năng lượng cao và tình trạng tắc nghẽn nguồn cung đã làm xói mòn sức mua của các hộ gia đình và làm giảm tiêu dùng. Các điều khoản thương mại xấu đi và nhu cầu toàn cầu suy yếu đã làm gia tăng tác động tiêu cực lên nền kinh tế nước này. Theo WB, tăng trưởng dự kiến sẽ chậm lại xuống 1% năm 2023, cùng với sự suy giảm ở các nền kinh tế tiên tiến khác.

Còn theo IMF, tăng trưởng ở Nhật Bản dự kiến sẽ ổn định hơn ở mức 1,7% trong cả hai năm 2021 và 2022 và 1,6% năm 2023, phản ánh sự thay đổi tiêu cực trong tỷ lệ thương mại (tỷ lệ giá xuất khẩu so với giá nhập khẩu) do giá nhập khẩu năng lượng cao hơn cũng như mức tiêu thụ thấp hơn do lạm phát giá vượt xa tốc độ tăng lương.

### ***Các nền kinh tế EMDE***

Theo WB, tăng trưởng trong năm 2023 và 2024 của mọi khu vực có các nền kinh tế EMDE được dự báo sẽ hạ thấp. Chính sách tiền tệ thắt chặt và các điều kiện tài chính toàn cầu hạn chế đang làm chậm tốc độ tăng trưởng, đặc biệt là ở các nước Châu Mỹ Latinh và Caribe (LAC), Nam Á (SAR) và Châu Phi cận Sahara (SSA). Giá năng lượng tăng liên tục dự kiến sẽ làm giảm triển vọng đối với các nhà nhập khẩu năng lượng ở tất cả các khu vực, trong khi giá kim loại giảm sẽ ảnh hưởng đến các điều kiện thương mại ở các nước LAC và SSA. Dự kiến nhu cầu nhập khẩu của các nền kinh tế tiên tiến sẽ chậm lại sẽ tác động đặc biệt đến các nước Đông Á và Thái Bình Dương (EAP) và Châu Âu và Trung Á (ECA). Thêm vào đó là sự suy thoái do đại dịch và sự phục hồi không hoàn toàn, triển vọng cho thấy mức tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người yếu ở các nước LAC, Trung Đông và Bắc Phi (MNA) và SSA trong nửa thập kỷ tới. Rủi ro bao gồm khả năng căng thẳng tài chính và tác động lan tỏa lớn hơn từ sự yếu kém của các nền kinh tế phát triển lớn (đặc biệt là ở EAP, ECA, LAC và SSA), cú sốc giá hàng hóa (đặc biệt là ở ECA, EAP và SAR), xung đột (đặc biệt là ở ECA, MNA và SSA) và thiên tai (với rủi ro cao ở các tiểu vùng trong EAP, LAC và SAR).

Theo IMF và WB, tăng trưởng ở các nền kinh tế EMDE năm 2023 sẽ giảm giảm so với 2022. IMF dự báo tỷ lệ tăng trưởng ở các nền kinh tế EMDE đạt 3,7% năm 2023, so với 3,4% theo WB.

Ở các nền kinh tế *EMDE khu vực châu Âu*, mức tăng trưởng được dự đoán là 0,0% năm 2022 và 0,6% năm 2023. Mức tăng trưởng dự kiến -3,4% và -2,3% ở Nga năm 2022 và 2023. Sự suy giảm trong nền kinh tế Nga trong năm 2023 được cho là ít nghiêm trọng hơn do khả năng phục hồi trong xuất khẩu dầu thô và nhu cầu trong nước với sự hỗ trợ chính sách tài khóa và tiền tệ lớn hơn cũng như niềm tin vào hệ thống tài chính được khôi phục.

Tăng trưởng ở các nền kinh tế *EMDE khu vực Mỹ Latinh và Ca-ri-bê* được dự báo là 1,7% năm 2023, thấp hơn so với mức ước tính 3,5% năm 2022, do tăng trưởng của các nước đối tác suy yếu, điều kiện tài chính thắt chặt và giá hàng hóa giảm.

Tăng trưởng ở các nền kinh tế *EMDE khu vực Trung Đông và Trung Á* được ước tính đạt 5,0% năm 2022, cao hơn so với tỷ lệ 4,5% năm 2021, chủ yếu phản ánh triển vọng thuận lợi cho các nhà xuất khẩu dầu mỏ của khu vực và tác động nhẹ bất ngờ

của cuộc chiến ở Ukraine đối với Trung Á. Năm 2023, tăng trưởng trong khu vực dự kiến sẽ ở mức vừa phải 3,6% do giá dầu giảm và những cơn gió ngược từ suy thoái toàn cầu và cuộc chiến ở Ukraine.

Ở các nền kinh tế *EMDE khu vực châu Phi cận Sahara*, triển vọng tăng trưởng giảm lần lượt từ 4,7% năm 2021 xuống 3,6% và 3,7% năm 2022 và 2023, do tăng trưởng của các đối tác thương mại thấp hơn, các điều kiện tài chính và tiền tệ thắt chặt hơn, và sự thay đổi tiêu cực trong các điều khoản thương mại hàng hóa.

Theo IMF, tăng trưởng ở các nền kinh tế *EMDE khu vực châu Á* sẽ giảm từ 7,2% năm 2021 xuống 4,4% năm 2022 và 4,9% năm 2023. Tăng trưởng ở Trung Quốc giảm xuống còn 3,2% vào năm 2022 (mức tăng trưởng thấp nhất trong hơn 4 thập kỷ, trừ thời kỳ cuộc khủng hoảng COVID-19 ban đầu vào năm 2020), tốc độ tăng trưởng dự kiến sẽ tăng lên 4,4% vào năm 2023. WB dự báo tỷ lệ này chỉ đạt 4,4% năm nay, trước khi tăng lên 5% năm 2024. Sự bùng phát COVID-19 và phong tỏa ở nhiều địa phương, cũng như cuộc khủng hoảng thị trường bất động sản ngày càng trầm trọng đã hạn chế tiêu dùng, sản xuất và đầu tư nhà ở, đã kìm hãm hoạt động kinh tế ở Trung Quốc. Hỗ trợ tài chính tập trung vào cơ sở hạ tầng, cắt giảm lãi suất chính sách và tỷ lệ dự trữ bắt buộc cũng như các biện pháp nới lỏng quy định - bao gồm trợ cấp tiền mặt và giảm yêu cầu thanh toán trước - chỉ bù đắp được một phần những trở ngại này. Theo IMF và WB, triển vọng tăng trưởng của Ấn Độ giảm, từ 6,8 năm 2022 xuống 6,1% năm 2023 (IMF) và từ 6,9% xuống 6,6% theo WB.

ADB dự báo tăng trưởng cho *Đông Á* đạt 4% năm 2023, so với 2,9% năm 2022, chủ yếu do tăng trưởng phục hồi ở Trung Quốc. Trong đó Trung Quốc được dự báo sẽ có mức tăng trưởng 4,3% năm 2023, so với 3% năm 2022. Tại Trung Quốc, GDP tăng 3,0% trong 3 quý đầu năm 2022, được thúc đẩy chủ yếu bởi đầu tư cơ sở hạ tầng và thương mại bên ngoài, trong khi căng thẳng trên thị trường bất động sản vẫn tiếp tục, kéo đầu tư bất động sản giảm 8,8%. Bị ảnh hưởng bởi phong tỏa do COVID-19, các dịch vụ và tiêu dùng hộ gia đình chỉ phục hồi dần dần. Tăng trưởng ngoại thương với xuất khẩu tăng 11,1% và nhập khẩu tăng 3,5%.

Tại khu vực *Nam Á*, tốc độ tăng trưởng GDP được ADB dự báo đạt 6,3% năm 2023, so với 6,5 năm 2022, trong đó tốc độ tăng trưởng của Ấn Độ được dự báo tăng lên 7,2% năm nay, so với 7,0 năm ngoái.

Theo IMF, 5 nền kinh tế thuộc Hiệp hội các quốc gia *Đông Nam Á* (ASEAN 5: Indônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan và Việt Nam), tốc độ tăng trưởng năm 2023 được dự báo là 4,9%, so với 3,4% năm 2021 và 5,3% năm 2022, chủ yếu do các điều kiện bên ngoài kém thuận lợi hơn, với tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở các đối tác thương mại lớn như Trung Quốc, khu vực đồng Euro và Hoa Kỳ; sự suy giảm sức

mua của các hộ gia đình do giá lương thực và năng lượng cao hơn; và trong hầu hết các trường hợp, thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh hơn để đưa lạm phát trở lại mục tiêu.

Theo WB, sau khi phục hồi mạnh mẽ năm 2022, tăng trưởng ở Malaysia, Philippines và Việt Nam dự kiến sẽ ở mức vừa phải do tăng trưởng xuất khẩu sang các thị trường chính chậm lại. Tốc độ tăng trưởng được dự báo ở mức 4% ở Malaysia, 5,4% ở Philippines và 6,3% ở Việt Nam. Ngược lại, tốc độ tăng trưởng ở Thái Lan được dự đoán sẽ tăng lên 3,6% năm 2023, phản ánh sự phục hồi chậm chạp của các lĩnh vực như du lịch và vận tải. Tăng trưởng của các nước này cũng được kỳ vọng sẽ được thúc đẩy nhờ nới lỏng các hạn chế biên giới và tăng lượng khách du lịch quốc tế. WB cảnh báo sự phân mảnh địa chính trị hơn nữa cũng có thể cản trở thương mại và đầu tư toàn cầu, đồng thời ảnh hưởng đến tăng trưởng toàn cầu và khu vực trong một thời gian dài. Các nền kinh tế phụ thuộc vào hàng hóa và xuất khẩu như Campuchia, Malaysia, Mông Cổ và Việt Nam đặc biệt dễ bị tổn thương do nhu cầu xuất khẩu chậm lại, bao gồm cả từ Trung Quốc.

Theo ADB, tăng trưởng kinh tế của ASEAN (Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam) năm 2022 ước đạt 5,5% và giảm xuống còn 4,7% năm 2023. Tiêu dùng, xuất khẩu và dịch vụ mạnh mẽ hơn, đặc biệt là du lịch, đã nâng cao dự báo tăng trưởng cho các nền kinh tế này năm 2022. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng năm 2022 khó có thể được duy trì khi nhu cầu toàn cầu suy yếu. Niềm tin của người tiêu dùng và doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng bởi lạm phát cao và lãi suất tăng, trong khi chi tiêu chính phủ có thể bị cắt giảm do hạn chế tài chính công.

Biến động kinh tế toàn cầu đã không kìm hãm sự tăng trưởng ở Indonesia, GDP thực tế tăng 5,4% cho cả năm 2022. Tuy nhiên, những cơn gió ngược ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến tốc độ tăng trưởng chậm lại còn 4,8% vào năm 2023, do xuất khẩu hàng hóa chậm lại khi các nền kinh tế tiên tiến suy yếu, thắt chặt chính sách tài khóa và tiền tệ.

Malaysia ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ 7,3% năm 2022, nhờ việc củng cố hầu hết các thành phần của nhu cầu trong nước khi nền kinh tế tiếp tục bình thường hóa. Nhu cầu trong nước được hỗ trợ bởi các điều kiện thị trường lao động được cải thiện, với tỷ lệ thất nghiệp được cải thiện. Ngoài ra, các biện pháp chính sách như tăng lương tối thiểu và chương trình hỗ trợ tiền mặt Bantuan Keluarga Malaysia đã kích thích tiêu dùng hộ gia đình. Việc nới lỏng các hạn chế về di chuyển và mở cửa lại biên giới vào tháng 4 năm 2022 đã thúc đẩy chi tiêu của người tiêu dùng và giải trí, qua đó tiếp thêm sinh lực cho lĩnh vực dịch vụ. Tuy nhiên, dự báo tăng trưởng năm 2023 được hạ xuống 4,3% do chịu tác động của điều kiện bất lợi bên ngoài.

Ước tính tăng trưởng năm 2022 của Philippines đạt 7,3%, nhờ tiêu dùng và đầu tư tư nhân mạnh mẽ cũng như chi tiêu cơ sở hạ tầng công bền vững. Tăng việc làm, phục hồi du lịch, mở rộng sản xuất và bán lẻ, và đầu tư công sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng. Dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2023 giảm xuống 6%, do việc thắt chặt tiền tệ, tăng trưởng chậm lại rõ rệt hơn ở các nền kinh tế tiên tiến và sự không chắc chắn tiếp tục phát sinh từ cuộc xâm lược Ukraine của Nga.

Nền kinh tế Singapore tăng trưởng ước đạt 3,3% năm 2022, nhờ được hỗ trợ bởi các ngành dịch vụ và xây dựng. Việc mở rộng lĩnh vực xây dựng đã tăng tốc khi các hạn chế biên giới được nới lỏng đã tạo điều kiện thuận lợi cho dòng lao động nhập cư. Ngược lại, sản xuất chậm lại do sản lượng điện tử và hóa chất giảm. Tuy nhiên, lạm phát toàn cầu tăng cao và các điều kiện tài chính thắt chặt sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu đối với các dịch vụ tài chính và làm suy yếu triển vọng tăng trưởng trong lĩnh vực tài chính. Tốc độ chi tiêu của người tiêu dùng có thể sẽ giảm xuống khi lạm phát cao và môi trường kinh tế không chắc chắn làm giảm tâm lý người tiêu dùng. Dự báo tăng trưởng GDP được điều chỉnh xuống 2,3% cho năm 2023.

Thái Lan có mức tăng trưởng ước đạt 3,2% năm 2022, cao hơn so với năm 2021, chủ yếu nhờ xuất khẩu dịch vụ tăng mạnh với sự quay trở lại của khách du lịch quốc tế. Tiêu dùng tư nhân và đầu tư tư nhân cũng tăng. Xuất khẩu hàng hóa được hỗ trợ bởi nhu cầu mạnh mẽ đối với hầu hết các sản phẩm xuất khẩu chính: mạch tích hợp, điều hòa không khí, xe bán tải và các loại xe tải khác, phụ tùng thiết bị điện, máy móc, đường và thịt gia súc. Dự báo tăng trưởng GDP nước này sẽ đạt 4,0% năm 2023.

Theo nhận định của ADB, hiệu suất cao trong nhiều lĩnh vực đã thúc đẩy tăng trưởng của Việt Nam, với mức tăng trưởng kinh tế 8,8% trong 3 quý đầu năm 2022. Hoạt động kinh tế phục hồi sau khi dỡ bỏ các hạn chế về COVID-19 và đạt được tỷ lệ bao phủ vắc xin trên toàn quốc. Lượng khách du lịch quốc tế đạt 2,4 triệu lượt trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 10/2022. Với những diễn biến này, dự báo tăng trưởng năm 2022 được ADB điều chỉnh lên 7,5% - cao nhất khu vực. Trong khi thương mại tiếp tục tăng, các dấu hiệu cho thấy nhu cầu toàn cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam đang suy yếu. Chỉ số quản lý sức mua (PMI) đã giảm từ 50,6 trong tháng 10/2022 xuống 47,4 trong tháng 11/2022 và việc làm đã giảm lần đầu tiên sau 8 tháng. Thanh khoản còn lại rất ít để phục hồi kinh tế sau khi thắt chặt tiền tệ gần đây, giảm phát hành nợ doanh nghiệp từ tháng 1 đến tháng 10 và giải ngân đầu tư công chậm lại. Thêm vào đó là các đối tác thương mại lớn suy yếu, nên dự báo tăng trưởng năm 2023 của Việt Nam được ADB điều chỉnh giảm từ 6,7% xuống 6,3%, tuy nhiên đây cũng là tỷ lệ tăng trưởng GDP cao nhất trong khu vực ASEAN được ADB đề cập.

## **2.3. Những thách thức và khuyến nghị chính sách**

### **2.3.1. Những thách thức đối với các nhà hoạch định chính sách**

Cần có những nỗ lực chính sách toàn cầu khẩn cấp để giảm thiểu rủi ro suy thoái toàn cầu và nợ nần chồng chất ở các nước EMDE, giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và hỗ trợ những người bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng và nạn đói. Các nước EMDE sẽ cần phải theo đuổi một tổ hợp chính sách kinh tế vĩ mô được hiệu chỉnh cẩn thận nhằm kiềm chế lạm phát mà không gây ra căng thẳng tài chính, đảm bảo mọi hỗ trợ tài khóa bổ sung đều hướng tới các nhóm dễ bị tổn thương, khôi phục tính bền vững tài khóa và duy trì sự ổn định tài chính. Để bù đắp những thiệt hại dài hạn từ những cú sốc bất lợi trong 3 năm qua, các nước EMDE cần tăng cường đầu tư một cách đáng kể. Với không gian tài khóa hạn chế, điều này sẽ đòi hỏi nguồn tài chính mới từ cộng đồng quốc tế và từ việc tái cấu trúc sử dụng các khoản chi tiêu hiện có, chẳng hạn như trợ cấp nông nghiệp và nhiên liệu không hiệu quả.

#### *Những thách thức toàn cầu chính*

Thách thức chính đối với các nhà hoạch định chính sách trên toàn thế giới là làm giảm khả năng xảy ra suy thoái kinh tế toàn cầu, đặc biệt là khả năng xảy ra do việc thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh chóng và đồng bộ, gây ra căng thẳng tài chính lan rộng. Sự gia tăng bất ngờ của lạm phát năm ngoái làm nổi lên sự không chắc chắn về mối quan hệ giữa những thay đổi trong lãi suất chính sách của ngân hàng trung ương, tăng trưởng và lạm phát. Mức độ bất thường và bản chất đồng bộ của chu kỳ thắt chặt chính sách hiện tại đã làm tăng thêm những điều không chắc chắn này. Để giảm thiểu chúng, các ngân hàng trung ương cần tính đến đầy đủ các tác động xuyên biên giới trong các quyết định của họ để đảm bảo chính sách không bị thắt chặt hơn mức cần thiết để đưa lạm phát trở lại mục tiêu. Các cuộc thảo luận giữa các nhà hoạch định chính sách tiền tệ quốc gia là cần thiết để giảm thiểu rủi ro ổn định tài chính liên quan đến việc thắt chặt chính sách đồng bộ và tránh các chi phí kinh tế không đáng có.

Các nước EMDE đặc biệt dễ bị tác động lan tỏa từ lãi suất chính sách cao ở Hoa Kỳ và các nền kinh tế tiên tiến khác. Không giống như việc tăng lãi suất của Hoa Kỳ bắt nguồn từ những thay đổi trong hoạt động kinh tế thực tế, việc tăng lãi suất do sự thay đổi nhận thức của Cục Dự trữ Liên bang, chẳng hạn như chuyển sang quan điểm “điều hậu” hơn, có thể gây ra những tác động đặc biệt có hại đối với các điều kiện tài chính của các EMDE. Những điều này có thể dẫn đến lợi suất trái phiếu cao hơn và rủi ro quốc gia lan rộng trong EMDE, bên cạnh dòng vốn chảy ra và sự mất giá của tiền tệ, có thể khiến nợ nước ngoài bằng đô la Mỹ trở nên đáng lo ngại hơn. Ngoài ra, giá nhập khẩu cao hơn có thể làm trầm trọng thêm tình trạng lạm phát vốn đã cao. Trong bối cảnh này, các rủi ro đối với EMDE do thắt chặt tiền tệ toàn cầu chưa từng

có thể được giảm thiểu bằng nhiều công cụ, bao gồm tăng cường trao đổi thông tin giữa các ngân hàng trung ương nhằm giảm thiểu rủi ro ổn định tài chính, giám sát tác động lan tỏa xuyên biên giới và tăng cường hỗ trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế.

Việc giảm thiểu khả năng xảy ra khủng hoảng cũng sẽ đòi hỏi một sự kết hợp chính sách kinh tế vĩ mô lành mạnh, trong đó chính sách tài khóa không gây thêm áp lực lạm phát và thúc đẩy việc thắt chặt chính sách tiền tệ bổ sung. Rủi ro này có thể được giảm thiểu bằng cách đảm bảo rằng hỗ trợ tài chính được hướng tới người nghèo một cách thận trọng. Trên hết, các cơ quan quản lý kinh tế vĩ mô cần tránh làm gia tăng sự không chắc chắn về chính sách, điều này có thể gây thêm áp lực cho thị trường tài chính toàn cầu vốn đã bị đe dọa bởi chi phí đi vay tăng và tạo ra thêm tác động lan tỏa bất lợi đối với tăng trưởng. Trong bối cảnh chi phí đi vay toàn cầu gia tăng, tăng trưởng chậm lại và dư địa tài khóa vốn đã hạn chế, cộng đồng quốc tế cần tăng cường nỗ lực giảm thiểu khó khăn về nợ và giảm thiểu rủi ro khủng hoảng nợ ở EMDE.

Biến đổi khí hậu là một thách thức toàn cầu, vì nó làm tăng tần suất và mức độ nghiêm trọng của thiên tai, đồng thời có thể làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói cùng cực do giảm năng suất nông nghiệp, tăng giá lương thực và làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực và nước ở EMDE. Các thảm họa liên quan đến khí hậu đang trở nên phổ biến hơn và chúng đặc biệt ảnh hưởng nặng nề đến các quốc gia dễ bị tổn thương như các quốc gia nhỏ. Hợp tác toàn cầu mạnh mẽ là điều cần thiết để đáp ứng các mục tiêu của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Sau khi giảm vào năm 2020, lượng khí thải carbon dioxide toàn cầu đã tăng trở lại vào năm 2021, với những ước tính ban đầu cho thấy lượng khí thải này tiếp tục tăng năm 2022. Sự gián đoạn đối với dòng khí đốt tự nhiên liên quan đến chiến tranh ở Ukraine đã tạm thời cản trở những nỗ lực chuyển đổi khỏi than đá ở cả các nền kinh tế tiên tiến và EMDE. Các EMDE sẽ cần đầu tư đáng kể vào tất cả các dạng vốn - con người, vật chất, xã hội và tự nhiên - để thúc đẩy tăng trưởng xanh, bền vững và bao trùm.

Hợp tác quốc tế bền vững cũng cần thiết để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng sạch, giúp các quốc gia cải thiện cả an ninh năng lượng và khả năng chi trả, đồng thời khuyến khích năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng. Ví dụ, các công cụ định giá carbon có thể khuyến khích đầu tư mới và làm giảm nhu cầu nhiên liệu hóa thạch trong khi vẫn tạo ra nguồn thu cho chính phủ; tuy nhiên, chúng vẫn chưa được sử dụng đúng mức. Các cơ chế điều chỉnh carbon cũng có thể giúp giảm lượng khí thải toàn cầu, nhưng chúng không được sử dụng như một hình thức bảo hộ thương mại. Lạm phát giá lương thực đã tăng đáng kể ở tất cả các EMDE. Giá lương thực tăng vọt đã làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực và làm tăng số

người bị ảnh hưởng bởi nạn đói. Đặc biệt, cuộc chiến tại Ukraina đã dẫn đến sự gián đoạn trong xuất khẩu các mặt hàng lương thực chính, làm trầm trọng thêm tình trạng lạm phát giá lương thực ở nhiều nước nghèo và dễ bị tổn thương. Mặc dù Sáng kiến Ngũ cốc Biển Đen đã giúp tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu thực phẩm và nông sản từ Ukraina kể từ tháng 8/2022, nhưng vẫn còn nhiều điều không chắc chắn về khả năng tiếp tục của nó. Hợp tác toàn cầu là cần thiết trên nhiều mặt để khắc phục tình trạng mất an ninh lương thực toàn cầu.

Cộng đồng quốc tế cần bảo vệ hệ thống thương mại hàng hóa toàn cầu bằng cách tránh các biện pháp hạn chế, chẳng hạn như cấm xuất khẩu thực phẩm và phân bón. Tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống thương mại trước những cú sốc, bao gồm cả những căng thẳng địa chính trị gia tăng, đòi hỏi phải có sự hợp tác quốc tế mạnh mẽ hơn để hỗ trợ đa dạng hóa sản phẩm và thị trường cũng như cải thiện khả năng tiếp cận tài chính thương mại, đặc biệt là đối với các quốc gia dễ bị tổn thương nhất. Hành động tập thể bền vững cũng cần thiết để tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống lương thực, bao gồm áp dụng các biện pháp hạn chế tình trạng thiếu hụt các đầu vào nông nghiệp quan trọng như phân bón, hỗ trợ nghiên cứu sản xuất phân bón và các phương pháp cải thiện hiệu quả sử dụng phân bón, đồng thời phối hợp nghiên cứu để phát triển và thực hiện các đổi mới nông nghiệp chống chịu với khí hậu.

#### *Thách thức tại các nền kinh tế EMDE*

- Thách thức về chính sách tài chính và tiền tệ: Chính sách tiền tệ dự kiến sẽ tiếp tục thắt chặt do lạm phát. Lạm phát tăng cao có xu hướng gây ra tác hại lớn nhất đối với các hộ gia đình có thu nhập trung bình và thấp. Lạm phát thường vượt xa tốc độ tăng lương. Các hộ gia đình nghèo hơn cũng phải chịu tác động nhiều hơn khi lạm phát cao do giá lương thực và nhiên liệu tăng cao, vốn chiếm phần lớn thu nhập của họ. Ở các nước EMDE, các hộ gia đình có thu nhập thấp nhất chỉ khoảng 50% thu nhập của họ cho lương thực. Các cơ quan tài chính và tiền tệ của EMDE sẽ cần tiếp tục hiệu chỉnh các điều kiện tiền tệ trong nước có tính đến tác động của cả việc thắt chặt trong nước và tác động lan tỏa xuyên biên giới từ lãi suất chính sách cao hơn ở các nền kinh tế tiên tiến. Sự kết hợp chính sách đang thay đổi ở các nền kinh tế tiên tiến, nơi mà chính sách tài khóa hỗ trợ nhiều hơn có thể gây thêm áp lực lạm phát, là một thách thức tiềm ẩn gia tăng.

- Thách thức chính sách tài khóa: Các chính phủ phải đối mặt với nhiệm vụ khó khăn là hỗ trợ các hộ gia đình dễ bị tác động tiêu cực và đáp ứng các nhu cầu chi tiêu công khác trong khi vẫn đảm bảo tính bền vững tài chính. Mức nợ của các EMDE tăng mạnh trong thời kỳ đại dịch, với mức trung bình tăng từ 49% GDP năm 2019 lên 55% GDP năm 2022, cộng với mức tăng trước đó. Với thâm hụt ngân sách vẫn cao



hơn mức trung bình trước đại dịch, mức nợ có thể vẫn tăng cao và nhiều nền kinh tế dễ bị tổn thương do chi phí đi vay tăng, đặc biệt là những nền kinh tế vốn đã có chi phí trả nợ cao và nợ nước ngoài hoặc nợ bằng ngoại tệ khá lớn.

- Thách thức chính sách cấu trúc: Những thách thức dài hạn mà các EMDE phải đối mặt đã trở nên trầm trọng hơn do đại dịch, cuộc chiến tại Ukraine và sự giảm tốc mạnh trong tăng trưởng toàn cầu. Những diễn biến này đã ảnh hưởng đến tăng trưởng đầu tư vào các EMDE, làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực ở các nước nghèo nhất thế giới và cản trở tiến trình thúc đẩy bình đẳng giới. Đảo ngược tác động của những cú sốc tiêu cực này và chuẩn bị tốt hơn cho các nhóm dễ bị tổn thương trước những cuộc khủng hoảng trong tương lai sẽ đòi hỏi những cải cách cơ cấu nhằm thúc đẩy triển vọng tăng trưởng dài hạn. Điều này sẽ liên quan đến các chính sách thúc đẩy đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, cũng như các chính sách hỗ trợ khả năng phục hồi và chuẩn bị sẵn sàng cho khủng hoảng, đặc biệt là trong các hệ thống nông nghiệp và thực phẩm.

### **2.3.2. Khuyến nghị chính sách**

Theo IMF, các lựa chọn chính sách đúng đắn có thể giúp đưa nền kinh tế toàn cầu thoát khỏi lạm phát và bước vào kỷ nguyên tăng trưởng bền vững và toàn diện. Những chính sách như vậy có tác động và tương tác trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

#### *Chính sách có tác động tức thời*

Chống lạm phát: Ưu tiên phải là giải quyết lạm phát, bình thường hóa bảng cân đối kế toán của ngân hàng trung ương và tăng lãi suất chính sách thực trên mức trung lập đủ nhanh và đủ lâu để kiểm soát lạm phát và kỳ vọng lạm phát. Chính sách tài khóa cũng cần hỗ trợ chính sách tiền tệ trong việc làm dịu nhu cầu ở các nền kinh tế có tổng cầu dư thừa và thị trường lao động quá nóng. Nếu không có sự ổn định về giá, bất kỳ lợi ích nào từ tăng trưởng trong tương lai đều có nguy cơ bị “bào mòn” bởi tình trạng siết chặt chi phí sinh hoạt mới. Các ngân hàng trung ương cần hành động kiên quyết đồng thời truyền đạt rõ ràng các mục tiêu và các bước để đạt được các mục tiêu đó. Tuy nhiên, kiềm chế lạm phát sẽ phải trả giá: tỷ lệ thất nghiệp sẽ tăng lên và tiền lương sẽ giảm khi chính sách tiền tệ thắt chặt. Đường lối thích hợp của các chính sách chống lạm phát sẽ tùy thuộc vào từng quốc gia và phụ thuộc chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Dòng vốn quốc tế: Các điều kiện tài chính thắt chặt hơn và nỗi lo suy thoái toàn cầu ảnh hưởng đến dòng vốn toàn cầu, thường dẫn đến những hậu quả tiêu cực đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi. Đã có sự tăng giá mạnh của đồng đô la Mỹ, theo giá trị thực đã tăng lên mức cao chưa từng thấy kể từ đầu những năm 2000. Lãi suất cao hơn và đồng đô la mạnh sẽ làm tăng chi phí tài chính cho các

nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi, vốn thường phải đối mặt với lãi suất thực tế cao hơn so với lãi suất ở các nền kinh tế tiên tiến. Nó cũng sẽ làm cho hàng hóa nhập khẩu được lập hóa đơn bằng đồng đô la trở nên đắt đỏ hơn, thúc đẩy lạm phát. Trong bối cảnh này, phản ứng chính sách được khuyến nghị bởi Khung chính sách tích hợp của IMF, cả theo cách thận trọng cũng như trong trường hợp bị sốc, tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của từng quốc gia.

- Phối hợp chính sách tiền tệ và tài khóa: Trong thời kỳ đại dịch, các nguồn vốn công ở nhiều nước được nói lỏng trên diện rộng, nhưng dự kiến sẽ bị thắt chặt hơn năm 2023. Tuy nhiên, ở một số quốc gia, chính sách tài khóa được kỳ vọng sẽ nói lỏng, có khả năng thúc đẩy tổng cầu và bù đắp tác động giảm lạm phát của chính sách tiền tệ. Mặc dù các chính sách tái phân phối có mục tiêu có thể phù hợp, nhưng cần giảm thâm hụt để giúp giải quyết lạm phát và giải quyết các lỗ hổng nợ. Việc củng cố tài khóa cũng có thể gửi một tín hiệu mạnh mẽ rằng các nhà hoạch định chính sách đang liên kết với nhau trong cuộc chiến chống lạm phát. Các quốc gia sẽ cần phải đưa ra những lựa chọn khó khăn trong thành phần chi tiêu, do nhu cầu duy trì lập trường tài chính chặt chẽ.

- Bảo vệ những người dễ bị ảnh hưởng nhất trong quá trình điều chỉnh: Khi chi phí sinh hoạt tiếp tục tăng, các nhà hoạch định chính sách sẽ cần bảo vệ những thành viên dễ bị ảnh hưởng nhất trong xã hội khỏi tác động của giá cả cao hơn. Các hộ gia đình nghèo hơn thường chi tiêu tương đối nhiều hơn những người khác cho thực phẩm, sưởi ấm và nhiên liệu: những hạng mục đã chứng kiến sự tăng giá đặc biệt mạnh. Hơn nữa, các hộ gia đình không thể dễ dàng điều chỉnh tiêu dùng để giảm thiểu chi tiêu cho các sản phẩm này; mọi người đều phải ăn và sử dụng hệ thống sưởi, và phương tiện đi lại (mà giá cả thường được quyết định phần lớn bởi chi phí nhiên liệu) để đi làm. Ở các quốc gia có mạng lưới an sinh xã hội phát triển tốt, chuyển tiền mặt có mục tiêu cho những người đặc biệt phải đối mặt với giá năng lượng và lương thực cao hơn (chẳng hạn như trẻ em và người già) và các biện pháp ổn định hiện có (ví dụ: bảo hiểm thất nghiệp) là cách tốt nhất để hạn chế tác động trên những người ít có khả năng chịu đựng nhất.

- Ngăn chặn rủi ro đại dịch: COVID-19 tiếp tục có những tác động lâu dài đối với nền kinh tế toàn cầu. Mặc dù nhiều biến thể mới ít nguy hiểm hơn những biến thể đầu tiên, nhưng chúng vẫn tiếp tục có tác động kinh tế đáng kể. Mặc dù việc phong tỏa nghiêm ngặt ngày càng hiếm, nhưng rủi ro có thể gây ra sự gián đoạn kinh tế, vì các doanh nghiệp có thể phải vật lộn để thích nghi với tình trạng vắng mặt không thể đoán trước khi công nhân hoặc thành viên gia đình của họ bị ốm. Khi vi-rút vẫn tồn tại và tiếp tục phát triển, việc đảm bảo quyền tiếp cận công bằng với bộ công cụ toàn diện

gồm vắc-xin, xét nghiệm và phương pháp điều trị trên toàn thế giới là chiến lược tốt nhất không chỉ để cứu mạng sống mà còn giảm thiểu nguồn gốc chính của sự không chắc chắn kìm hãm sự phục hồi toàn cầu. Về tiêm chủng, trọng tâm chính là tiêm chủng đầy đủ cho những nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất về mặt lâm sàng. Các khoản đầu tư liên tục vào nghiên cứu, giám sát dịch bệnh và hệ thống y tế cũng sẽ cần thiết để giữ cho một loạt các công cụ được cập nhật khi vi-rút phát triển.

Tác động của đại dịch có lẽ được cảm nhận sâu sắc nhất ở Trung Quốc, nơi các đợt phong tỏa liên tục ở các vùng của đất nước tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế. Sự gián đoạn tạm thời đối với chuỗi cung ứng và hậu cần trong nước trong những đợt bùng phát lớn nhất, bên cạnh việc cản trở tiêu dùng tư nhân, đã ảnh hưởng đến các nhà sản xuất của đất nước, làm tăng thêm áp lực hiện có đối với chuỗi cung ứng toàn cầu. Các đợt bùng phát tái diễn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc mở đường cho một lối thoát an toàn khỏi chiến lược không có COVID của Trung Quốc, bao gồm cả việc bổ sung vào chiến dịch tiêm chủng thành công của đất nước, đặc biệt là cho người già chưa được tiêm chủng.

#### *Các chính sách có kết quả trong trung hạn*

- Cải thiện các khuôn khổ giải quyết nợ: lĩnh vực tài chính của một số quốc gia sẽ chịu áp lực đáng kể, với lãi suất tăng, và các khoản nợ cao trong thời kỳ đại dịch. Mặc dù những nước dễ bị ảnh hưởng nhất chỉ chiếm một phần nhỏ trong sản lượng toàn cầu và tài sản tài chính, nhưng hiệu ứng lan tỏa, trong đó một cuộc khủng hoảng ở một quốc gia khiến các nhà đầu tư rút những tài sản tương tự ở các nơi khác có thể là đáng kể. Mặc dù giải pháp tốt nhất luôn là sự điều chỉnh có trật tự trong chiến lược tài khóa trung hạn có cơ sở vững chắc, được thúc đẩy bởi các ưu tiên chính sách trong nước, nhưng khả năng cao là nhiều quốc gia sẽ lâm vào cảnh túng quẫn vì nợ nần. Trong những trường hợp như vậy, các chính sách hợp tác toàn cầu là cần thiết để ngăn chặn sự lây lan của các cuộc khủng hoảng và tốt nhất có thể đạt được điều đó bằng cách thiết lập trước các cơ chế hoặc thể chế phù hợp. IMF, với tư cách là một tổ chức như vậy, sẵn sàng hỗ trợ các quốc gia gặp khó khăn tạm thời về cán cân thanh toán theo chính sách của IMF. Nhưng các cách tiếp cận bổ sung khác nên được phát triển hơn nữa. Đặc biệt, khuôn khổ giải quyết nợ chung của Nhóm 20 (G20) có thể được cải thiện để cho phép giải quyết nhanh chóng và công bằng các trường hợp nợ khó đòi, giúp các quốc gia thoát khỏi tình trạng vỡ nợ mà không phải gánh chịu hậu quả kinh tế kéo dài. Tiến bộ gần đây liên quan đến Zambia là đáng hoan nghênh, nhưng cần nhiều hơn nữa. Phạm vi áp dụng nên được mở rộng để bao gồm nhiều quốc gia hơn, và các ủy ban chủ nợ cần gặp gỡ và xây dựng các thỏa thuận một cách nhanh chóng và minh bạch. Khủng hoảng nợ ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát

triển là một vấn đề đang gia tăng. Điều cấp thiết là một cơ chế giải quyết nợ G20 hoạt động tốt phải được đưa ra càng sớm càng tốt.

- Chuẩn bị cho các điều kiện tài chính quốc tế chặt chẽ hơn: Chính sách tiền tệ thắt chặt cũng có thể gây áp lực lên các tổ chức tài chính. Khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, tỷ lệ vỡ nợ tăng và thu nhập từ các khoản vay mới giảm. Mặc dù lãi suất cao hơn có thể làm tăng thu nhập từ lãi nhưng chúng có thể có tác động tiêu cực về tổng thể đối với nhiều tổ chức. Do đó, chính sách an toàn vĩ mô sẽ cần phải trở nên thận trọng hơn bao giờ hết, đề phòng sự thất bại của các thể chế mang tính hệ thống, sử dụng các công cụ được lựa chọn để giải quyết các nhóm dễ bị tổn thương (xem Báo cáo Ổn định Tài chính Toàn cầu tháng 10 năm 2022 của IMF). Trong đó, thị trường nhà ở vẫn là một trong những nguồn tiềm ẩn rủi ro tài chính vĩ mô; các cơ quan chức năng nên đánh giá tác động hệ thống của việc điều chỉnh giá nhà. Ở Trung Quốc, các cơ quan chức năng nên cho phép tái cơ cấu những công ty xây dựng nhà đang gặp khó khăn và chuẩn bị để giải quyết tác động của thị trường nhà đất đối với hệ thống tài chính một cách rộng rãi hơn. Các điều kiện tài chính quốc tế chặt chẽ hơn cũng có thể gây áp lực lên tỷ giá hối đoái. Tùy thuộc vào hoàn cảnh quốc gia và bản chất của các cú sốc, các nhà hoạch định chính sách nên sẵn sàng can thiệp khi tỷ giá hối đoái linh hoạt không thể hấp thụ các cú sốc bên ngoài.

- Cải cách cơ cấu: Các chính sách mở rộng nguồn cung có thể thúc đẩy hoạt động kinh tế đồng thời giảm lạm phát, mặc dù có phần chậm trễ. Ở các nền kinh tế tiên tiến, những chính sách như vậy bao gồm những chính sách mở rộng lực lượng lao động, chẳng hạn như trợ cấp chăm sóc trẻ em, tín dụng thuế thu nhập, cải cách hệ thống nhập cư và tiếp cận tốt hơn với vắc xin và điều trị COVID-19. Tại các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển, tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật số cũng có thể giúp giáo dục và môi trường kinh doanh tốt hơn.

#### *Chính sách có lợi ích dài hạn*

- Chính sách khí hậu: Biến đổi khí hậu tiếp tục gia tăng. Nhiệt độ khắc nghiệt chỉ là một biểu hiện của những thách thức mà sự thay đổi như vậy mang lại. Nếu không có hành động khắc phục kịp thời, biến đổi khí hậu cuối cùng sẽ có những tác động thảm khốc đối với sức khỏe và kết quả kinh tế trên toàn thế giới. Các mục tiêu toàn cầu hiện tại không phù hợp với các mục tiêu nhiệt độ toàn cầu. Đáp ứng các mục tiêu này sẽ cần cắt giảm phát thải ít nhất 25% vào cuối thập kỷ này. Cuộc khủng hoảng năng lượng đang diễn ra cũng đã làm tăng thêm lợi ích an ninh năng lượng mà các quốc gia có thể thu được từ việc chuyển đổi sang các nguồn năng lượng sạch và đáng tin cậy để thay thế dần sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch bằng các nguồn năng lượng tái tạo và các-bon thấp. Để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi này, các chính phủ

nên đặt ra mức giá tối thiểu cho carbon và thúc đẩy các giải pháp thay thế sạch, bao gồm trợ cấp cho năng lượng tái tạo và đầu tư vào cơ sở hạ tầng như lưới điện thông minh. Trong một thế giới giá cả vốn đã cao, việc chuyển sang các nguồn năng lượng mới có thể là thách thức về mặt chính trị và rõ ràng là rủi ro. Tuy nhiên, các chính sách bù đắp chi phí chuyển đổi, chẳng hạn như giảm phí và bồi thường có mục tiêu cho những “người thua cuộc”, có thể giúp quá trình chuyển đổi dễ dàng hơn. Theo WB, mặc dù quá trình chuyển đổi xanh có thể kéo theo rủi ro, nhưng những rủi ro này là rất nhỏ so với rủi ro không làm gì cả. Sự chậm trễ sẽ chỉ khiến các chi phí tăng lên. Việc thông qua Đạo luật Giảm lạm phát ở Hoa Kỳ, trong đó bao gồm 369 tỷ đô la cho các chính sách về an ninh năng lượng và biến đổi khí hậu, được hoan nghênh. Luật nhằm mục đích giảm khoảng 40% lượng khí thải carbon của Hoa Kỳ vào năm 2030, chủ yếu thông qua tín dụng thuế và khuyến khích tăng đầu tư vào năng lượng sạch.

- Tăng cường hợp tác đa phương và tránh bảo hộ: Lạm phát toàn cầu tăng đột biến gần đây đã thúc đẩy làn sóng bảo hộ ngắn hạn tương ứng, đáng chú ý nhất là liên quan đến lương thực. Và mặc dù các chính sách bảo hộ có thể hấp dẫn trong thời gian ngắn, nhưng cuối cùng không có người chiến thắng. Khi các quốc gia cấm xuất khẩu cũng dẫn đến thiếu nguồn thu nhập để mua những hàng hóa khác mà họ có thể cần từ nước ngoài. Hơn nữa, các lệnh cấm xuất khẩu ở một quốc gia thường gây ra các lệnh cấm trả đũa ở các quốc gia khác, khiến tất cả các bên đều bị thiệt hại. Một nguyên tắc tương tự cũng áp dụng cho các sản phẩm y tế, những sản phẩm đã bị hạn chế thương mại vào nhiều thời điểm trong đại dịch. Các chính phủ nên dỡ bỏ các hạn chế thương mại trước đại dịch và tuân theo cam kết của họ đối với cải cách của Tổ chức Thương mại Thế giới. Điều này bao gồm khôi phục một hệ thống giải quyết tranh chấp hoạt động đầy đủ và tăng cường các quy tắc trong các lĩnh vực như trợ cấp nông nghiệp và công nghiệp. Ngoài ra, hợp tác đa phương là điều cần thiết để thúc đẩy công nghệ hỗ trợ giảm thiểu biến đổi khí hậu và thúc đẩy tài chính xanh. Hỗ trợ cho các nước có thu nhập thấp thông qua tài trợ ưu đãi là cần thiết để thúc đẩy cải cách, thúc đẩy tăng trưởng và giúp họ đạt được các mục tiêu về khí hậu.

#### *Đối với các nền kinh tế EMDE*

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang chịu nhiều áp lực, WB đã đưa ra 5 bước quan trọng phải được thực hiện để tăng thu nhập trung bình và thịnh vượng chung trong EMDE:

- Đầu tư nhiều hơn để tạo việc làm và tăng sản lượng, cho phép tăng trưởng tiêu dùng. Báo cáo này nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết đối với các nước EMDE là thiết kế các chính sách thu hút và khuyến khích đầu tư mới. Điều này sẽ đòi hỏi một chiến lược toàn diện bao gồm các biện pháp tài chính, cơ cấu và quy định để thúc đẩy đầu tư

công và tư nhân, theo những cách đáp ứng nhu cầu của từng quốc gia. Các chính sách tài khóa và tiền tệ hỗ trợ tiền tệ ổn định, dựa trên thị trường và đầu tư hiệu quả là đặc biệt quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng, thu nhập trung bình cao hơn và giảm nghèo.

- Những cải thiện môi trường tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Trong khoảng 60 nước EMDE có dữ liệu, tăng trưởng đầu tư trung bình cao hơn khoảng 7 điểm phần trăm trong những năm khi cải cách môi trường đầu tư được thực hiện. Ở các quốc gia có thu nhập thấp dựa vào quan hệ đối tác công tư để đầu tư cơ sở hạ tầng, điều quan trọng là phải thiết lập một khung pháp lý mạnh mẽ. Giảm chi phí thành lập doanh nghiệp và củng cố quyền sở hữu cũng có thể giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh.

- Tăng tính minh bạch của các khoản nợ, đặc biệt là đối với tỷ lệ ngày càng tăng của các nước nghèo có nguy cơ lâm vào cảnh nợ nần chồng chất; cần có một quy trình tái cơ cấu và đối chiếu nợ nhanh hơn.

- Tích hợp vấn đề khí hậu và phát triển theo cách tăng khả năng tiếp cận năng lượng và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang năng lượng carbon thấp hơn. Những mục tiêu này cần được bổ sung bằng cách tăng cường đầu tư vào các giải pháp thích ứng với khí hậu. Đối phó với thách thức gia tăng hàng hóa công toàn cầu sẽ đòi hỏi phải huy động tốt hơn các mối quan hệ đối tác công-tư, hợp tác quốc tế bền vững, và các khoản tài trợ và tài trợ ưu đãi mới và lớn của cộng đồng toàn cầu.

- Hợp tác mạnh mẽ hơn để tăng thương mại xuyên biên giới. Cần có những nỗ lực lớn hơn để đa dạng hóa sản phẩm và thị trường, tiếp cận tài chính thương mại và tạo thuận lợi hơn cho thương mại thông qua các thỏa thuận như hiệp định hải quan. Các chính phủ nên giảm bớt các rào cản tùy tiện đối với cả nhập khẩu và xuất khẩu. Loại bỏ các biện pháp bảo hộ mới bao gồm cấm xuất khẩu thực phẩm và phân bón.

Để đối phó với những cú sốc về lương thực và năng lượng, các chính phủ cần tránh áp đặt các hạn chế xuất khẩu và thay vào đó làm giảm tác động đối với người nghèo thông qua các biện pháp hỗ trợ nhắm vào các nhóm thu nhập thấp. Cộng đồng quốc tế cũng cần giảm nguy cơ khủng hoảng nợ ở các EMDE, bao gồm hỗ trợ tái cơ cấu nợ kịp thời. Do chi phí kinh tế ngày càng tăng bởi các thảm họa liên quan đến khí hậu xảy ra thường xuyên hơn, đặc biệt là ở các quốc gia nhỏ, nên hành động nhanh chóng để thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng là rất quan trọng nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Các điều kiện tài chính chặt chẽ hơn, tăng trưởng yếu hơn và mức nợ tăng cao tạo ra những thách thức tài chính đáng kể cho các nước EMDE, thể hiện qua việc phát hành trái phiếu giảm mạnh gần đây. Việc củng cố tài khóa kịp thời và được hiệu chỉnh cẩn thận cần được hướng dẫn bởi các khuôn khổ trung hạn đáng tin cậy, tập trung vào việc giảm chi tiêu lãng phí, chẳng hạn như trợ cấp nhiên liệu và nông nghiệp không

hiệu quả, đồng thời đảm bảo hỗ trợ cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương nhất. Mặc dù việc tăng thuế suất có thể là một thách thức trong thời gian tới do triển vọng tăng trưởng yếu, nhưng nguồn thu vẫn có thể được hỗ trợ bằng cách mở rộng cơ sở thuế thông qua việc loại bỏ các trường hợp miễn trừ, mở rộng dần diện bao phủ các hoạt động chịu thuế và tăng cường cơ chế thu và quản lý.

Những tác động bất lợi dài hạn của các cú sốc chòng chéo trong ba năm qua đã dẫn đến những tổn thất tích lũy lớn, đặc biệt đối với sản lượng và đầu tư của các nước EMDE. Những thiệt hại này thậm chí còn lớn hơn khi suy thoái toàn cầu nghiêm trọng hơn. Để bù đắp những tổn thất này và thúc đẩy tăng trưởng xanh, bền vững và toàn diện, các nước EMDE sẽ cần đầu tư đáng kể vào nguồn nhân lực, vật chất, xã hội và tự nhiên. Với không gian tài khóa hạn chế, những khoản đầu tư này sẽ cần có sự tham gia của khu vực tư nhân và nguồn tài chính ưu đãi mới từ cộng đồng quốc tế. Điều này có thể được bổ sung bằng các cải cách cơ cấu nhằm cải thiện môi trường đầu tư và phân bổ lại chi tiêu công cho đầu tư thúc đẩy tăng trưởng. Những nỗ lực như vậy sẽ cần được đi kèm với các biện pháp tăng cường hệ thống bảo trợ xã hội, thúc đẩy bình đẳng giới, thúc đẩy đầu tư vào nguồn nhân lực và tạo điều kiện thuận lợi cho các hệ thống thực phẩm linh hoạt hơn.

Theo WB, ngay cả trong thời điểm nguồn lực khan hiếm, các nhà hoạch định chính sách vẫn có thể làm được nhiều điều để khuyến khích các khoản đầu tư đúng đắn thành hiện thực. Tránh đưa ra các khoản trợ cấp lãng phí và chuyển hướng sang các mục đích sử dụng hiệu quả hơn bao gồm đầu tư khu vực tư nhân, trợ cấp có thời hạn theo mục tiêu và đầu tư có tác động tốt tới khí hậu.

### **III. DỰ BÁO XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2023**

Theo một số tổ chức quốc tế, tạp chí, trang tin công nghệ, công ty phân tích thị trường, tư vấn đầu tư có uy tín trên thế giới như Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), Forbes, Gartner, GlobalData,... các xu hướng công nghệ hàng đầu năm 2023 sẽ xoay quanh AI, điện toán đám mây, an ninh mạng, Blockchain, metaverse, robot, kết nối và mở rộng với 5G và IoT, Web 3.0, điện toán lượng tử, vật liệu thế hệ tiếp theo, Digital Twin và in 3D, các công nghệ sạch và bền vững. Các công nghệ này có thể được tập hợp thành các nhóm công nghệ chính gồm: Công nghệ thông tin; công nghệ vật liệu mới/thế hệ tiếp theo; công nghệ sạch và bền vững. Đây cũng là các xu hướng công nghệ được đầu tư mạnh.

#### **3.1. Công nghệ thông tin**

##### ***AI ở khắp mọi nơi***

Theo GlobalData, ngành AI sẽ trị giá 93 tỉ USD trong năm 2023, tăng 12% so với năm 2022. AI là một trong những công nghệ mới nổi được mong đợi nhất vì nó có khả

năng tăng tốc và tăng cường đáng kể các công nghệ khác bao gồm robot, điện toán lượng tử và IoT.

Nhiều chuyên gia dự đoán, AI sẽ tiếp tục phát triển nhảy vọt trong năm nay, mang lại ngày càng nhiều hơn cơ hội cho cả người tiêu dùng và doanh nghiệp. Trong đó, trọng tâm của AI là nâng cao năng suất lao động, khi các công cụ mới có sẵn cho phép lực lượng lao động tận dụng công nghệ này. Năm 2023 được kỳ vọng sẽ chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết của AI. Nó có khả năng tạo ra các hệ thống đàm thoại được cá nhân hóa cho khách hàng trong tất cả các ngành nghề. AI cũng cung cấp cho các chuyên gia những hiểu biết tài chính cần thiết để có thể hỗ trợ khách hàng tốt hơn theo nhiều cách khác nhau. Ngoài ra, AI sẽ mang lại cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp nhỏ thông qua việc thúc đẩy tương tác với khách hàng và hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các vấn đề một cách nhanh chóng.

Trong năm 2023, AI sẽ trở thành hiện thực trong các tổ chức. AI không cần mã, với giao diện kéo và thả dễ dàng, sẽ cho phép mọi doanh nghiệp tận dụng sức mạnh của nó để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thông minh hơn. Thị trường bán lẻ là một minh chứng. Stitch Fix sử dụng các thuật toán hỗ trợ AI để giới thiệu quần áo phù hợp với kích cỡ và sở thích của họ cho khách hàng. Đồng thời, mua sắm và giao hàng tự động, không tiếp xúc cũng sẽ là một xu hướng lớn cho năm 2023. AI sẽ giúp người tiêu dùng thanh toán, nhận hàng hóa và dịch vụ dễ dàng hơn. Ngoài ra, AI cũng sẽ tăng cường gần như mọi công việc trong mọi quy trình kinh doanh trong các ngành công nghiệp. Nhiều nhà bán lẻ sẽ sử dụng AI để quản lý và tự động hóa các quy trình quản lý hàng tồn kho phức tạp, vì vậy các xu hướng tiện lợi sẽ ra đời. AI cũng sẽ là động cơ đằng sau các sáng kiến giao hàng tự động mới nhất mà các nhà bán lẻ đang thử nghiệm và triển khai. Ngày càng nhiều nhân viên bán lẻ sẽ cần làm quen với cách làm việc cùng với máy móc để tối ưu hóa trong công việc.

Kể từ khi ra mắt hồi cuối tháng 11 năm ngoái, ChatGPT - chatbot được hỗ trợ bởi AI do OpenAI phát triển đã trở thành một hiện tượng thu hút sự quan tâm ngày càng lớn của người dùng trên khắp thế giới. Công cụ này đặc biệt gây ấn tượng với các chuyên gia về khả năng sáng tạo nội dung, thực hiện các nhiệm vụ phức tạp nhưng lại dễ sử dụng. Năm 2023, ChatGPT sẽ không ngừng mở rộng và hoàn thiện với số lượng người dùng sẽ vượt mọi kỷ lục của các ứng dụng có đăng ký.

Gartner trước đây đã đánh giá AI là một công nghệ chiến lược, nhưng năm nay chứng kiến một xu hướng mới: các hệ thống AI thích ứng (adaptive AI) liên tục đào tạo lại các mô hình thông minh của chúng. Các module này có thể học trong thời gian vận hành và các môi trường phát triển ứng dụng dựa trên dữ liệu mới và do đó thích ứng nhanh chóng với các tình huống thực tế không lường trước được. Các ứng dụng



AI sử dụng phản hồi theo thời gian thực để thay đổi quá trình học của của các ứng dụng một cách linh hoạt và điều chỉnh các mục tiêu.

Cũng liên quan đến AI, Gartner cho biết nhiều tổ chức chưa chuẩn bị tốt để quản lý rủi ro AI. Trong năm 2023, các tổ chức sẽ phải triển khai các khả năng mới để đảm bảo độ tin cậy của mô hình, tính bảo mật và bảo vệ dữ liệu của các mô hình AI của họ bằng cách áp dụng quản lý độ tin cậy, rủi ro và bảo mật của AI. Điều này đòi hỏi sự tham gia của các đơn vị kinh doanh khác nhau cùng phối hợp thực hiện các biện pháp mới. Một cuộc khảo sát của Gartner ở Hoa Kỳ, Anh và Đức cho thấy 41% tổ chức đã gặp phải sự cố bảo mật hoặc vi phạm quyền riêng tư của AI. Tuy nhiên, cũng theo cuộc khảo sát đó, các tổ chức tích cực quản lý rủi ro, quyền riêng tư và bảo mật của AI đã đạt được kết quả tích cực. Nhiều dự án AI của các tổ chức đó chuyển từ bằng chứng khái niệm (proof-of-concept) sang sản xuất và chúng đạt được nhiều giá trị kinh doanh hơn so với các dự án AI trong các tổ chức không chủ động quản lý các chức năng này.

### ***Kết nối với thế giới số - Công nghệ Digital Twin và công nghệ in 3D***

Một câu nói đã xuất hiện giữa thế giới vật lý và thế giới số, xu hướng này sẽ tiếp tục trong năm 2023. Có hai thành phần nổi bật trong chiếc câu nói này là: công nghệ Digital Twin và công nghệ in 3D. Mô phỏng và sáng tạo nhờ Digital Twin và In 3D sẽ giúp quy trình làm việc của doanh nghiệp trở nên tối ưu hóa hơn.

Công nghệ Digital Twin là mô phỏng ảo của các quy trình, hoạt động hoặc sản phẩm trong thế giới thực có thể được sử dụng để thử nghiệm các ý tưởng mới trong môi trường kỹ thuật số an toàn. Các nhà thiết kế và kỹ sư đang sử dụng kỹ thuật này để tái tạo các đối tượng vật lý bên trong thế giới ảo, để họ có thể thử nghiệm trong mọi điều kiện có thể tưởng tượng được mà không phải trả chi phí cao cho các thử nghiệm thực tế. Công nghệ Digital Twin có thể mô phỏng ảo để giảm chi phí thử nghiệm thực tế. Trong năm 2023, người dùng sẽ chứng kiến công nghệ này bùng nổ hơn nữa, từ nhà máy, máy móc, ô tô đến dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Sau khi thử nghiệm trong thế giới ảo, các kỹ sư có thể tinh chỉnh và chỉnh sửa các thành phần, sau đó tạo chúng trong thế giới thực bằng công nghệ in 3D. Ví dụ: Một nhóm thu thập dữ liệu được truyền từ các cảm biến trong các cuộc đua, như nhiệt độ đường đua và điều kiện thời tiết, để xem ô tô thay đổi như thế nào trong các cuộc đua. Sau đó, họ truyền dữ liệu từ các cảm biến đến công nghệ Digital Twin của động cơ và các bộ phận ô tô, đồng thời chạy các kịch bản để thực hiện thay đổi thiết kế một cách nhanh chóng. Sau đó, các nhóm sẽ in 3D các bộ phận ô tô dựa trên kết quả thử nghiệm đó.

### ***Tiến bộ trong hệ thống tự quản - Tăng tính tự chủ cho các doanh nghiệp***

Hệ thống tự quản là tập hợp các tiền tố định tuyến Giao thức Internet được kết nối dưới sự kiểm soát của một hoặc nhiều nhà khai thác mạng thay mặt cho một tổ chức hoặc miền quản trị duy nhất, đưa ra một chính sách định tuyến chung và được xác định rõ ràng cho Internet.

Các nhà lãnh đạo doanh nghiệp sẽ tiếp tục đạt được tiến bộ trong việc tạo ra các hệ thống tự quản, đặc biệt là về giao hàng và hậu cần. Nhiều nhà máy và nhà kho đã trở nên tự chủ một phần hoặc hoàn toàn.

Trong năm 2023, sẽ có nhiều xe tải và tàu tự lái hơn, cũng như Robot giao hàng, và thậm chí nhiều nhà kho và nhà máy sẽ triển khai công nghệ tự lái. Ví dụ Ocado, một siêu thị trực tuyến của Anh là “nhà bán lẻ tạp hóa trực tuyến chuyên dụng lớn nhất thế giới”. Nhà bán lẻ này sử dụng hàng nghìn Robot tự động trong các nhà kho tự động hóa cao để phân loại, nhấc và di chuyển hàng tạp hóa. Nhà kho cũng sử dụng AI để đặt các mặt hàng phổ biến nhất trong tầm với của Robot. Công ty Ocado hiện cũng đang hỗ trợ triển khai công nghệ tự động đằng sau các nhà kho thành công cho các nhà bán lẻ tạp hóa khác.

### ***Thế giới Metaverse sẽ ngày càng “thực” hơn***

Các chuyên gia dự đoán rằng Metaverse sẽ góp 5 nghìn tỷ USD cho nền kinh tế toàn cầu vào năm 2030. Năm 2023 cũng sẽ là năm xác định định hướng của Metaverse trong thập kỷ tới. Cùng với Metaverse, công nghệ thực tế tăng cường (AR) và thực tế ảo (VR) sẽ tiếp tục phát triển. Thế giới hiện vẫn đang ở giai đoạn đầu của metaverse và có rất nhiều điều đáng mong đợi, đặc biệt là đối với các ngành công nghiệp thương mại điện tử, trò chơi và giải trí.

Một lĩnh vực cần theo dõi là môi trường sáng tạo trong Metaverse, nơi mà môi trường hội họp trở nên hấp dẫn hơn, có thể trò chuyện, động não và cùng nhau sáng tạo. Trên thực tế, Microsoft và Nvidia đã phát triển các nền tảng Metaverse để cộng tác trong các dự án kỹ thuật số. Theo đó, trong tương lai sự xuất hiện của hình đại diện - sự hiện diện mà người dùng tạo ra khi tương tác với những người dùng khác trong siêu dữ liệu - có thể cá nhân hóa con người như chính thế giới thực.

Các công ty đã sử dụng công nghệ Metaverse như AR và VR sẽ tăng tốc vào năm 2023. Microsoft đang tiến vào thị trường Metaverse bằng cách tận dụng điện toán đám mây, trò chơi và phần mềm làm việc. Công ty tư vấn khổng lồ Accenture đã tạo ra một môi trường Metaverse có tên là Nth Floor. Thế giới ảo này có các bản sao của văn phòng Accenture trong thế giới thực. Vì vậy, nhân viên có thể thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nhân sự mà không cần phải có mặt tại văn phòng thực.

### ***Tiến bộ trong Web 3.0 thúc đẩy Fintech và Blockchain***

Là thế hệ thứ 3 của Internet, Web 3.0 được kỳ vọng sẽ tạo ra những thay đổi lớn

đối với công nghệ tài chính (Fintech). Web 3.0 kết nối dữ liệu theo cách phi tập trung (không phụ thuộc bên trung gian) để mang lại những trải nghiệm người dùng thú vị và được cá nhân hóa. Các công nghệ như chuỗi khối (blockchain), tiền điện tử, token không thể thay thế (NFT) và các tổ chức tự trị phi tập trung (DAO) giúp thúc đẩy hệ sinh thái kỹ thuật số và nền dân chủ kỹ thuật số. Do đó, việc xây dựng cơ sở hạ tầng và giao thức web mới cho phép các nhà phát triển xây dựng các ứng dụng với dữ liệu thuộc kiểm soát của người dùng. Trong năm 2023, các công ty được kỳ vọng sẽ đặt nền móng để biến Web 3.0 thành hiện thực.

Blockchain đã đi từ một công nghệ dành riêng cho lĩnh vực tài chính (hoặc liên quan đến tiền điện tử) để bắt đầu triển khai trong nhiều lĩnh vực. Gartner dự báo rằng vào năm 2025, giá trị thương mại của công nghệ này sẽ tăng thêm hơn 176 tỷ USD. Xu hướng lưu trữ trên Blockchain có thể sẽ bùng nổ trong năm 2023 khi các công ty tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ phi tập trung hơn. Ví dụ: Hiện tại, người dùng đang lưu trữ mọi thứ trên đám mây. Nhưng nếu phân cấp lưu trữ và mã hóa dữ liệu đó bằng Blockchain, thông tin này sẽ không chỉ an toàn hơn mà còn có những cách sáng tạo để truy cập và phân tích thông tin đó.

Mã thông báo không thể thay thế (NFT) sẽ trở nên hữu dụng và thiết thực hơn trong năm mới. Ví dụ: Vé NFT xem các buổi hòa nhạc sẽ có khả năng cung cấp cho người dùng quyền truy cập vào các trải nghiệm đa dạng hơn. NFT có thể là chìa khóa mà người dùng sử dụng để tương tác với nhiều sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật số cũng như là các hợp đồng mà người dùng ký kết với các bên khác.

### ***IoT***

Theo GlobalData, thị trường IoT dành cho doanh nghiệp toàn cầu sẽ tăng lên 650 tỉ đô la vào năm 2023, trong đó 315 tỉ đô la đến từ các thành phố thông minh và 335 tỉ đô la đến từ Internet công nghiệp. Lĩnh vực này sẽ tiếp tục phát triển vào năm 2023 bất chấp tình hình kinh tế buộc các doanh nghiệp phải hợp lý hóa chi tiêu IoT của họ cho các thiết bị mang lại giá trị đầu tư lớn nhất.

Xu hướng phát triển này của công nghệ được xem là sự tổng hợp của tất cả những xu hướng khác lại với nhau. Mạng lưới các cảm biến, thiết bị và cơ sở hạ tầng được kết nối để thu thập dữ liệu chúng ta cần nhằm xây dựng siêu dữ liệu, tạo bản sao kỹ thuật số, đào tạo máy móc thông minh và thiết kế các cách thức mới để kích hoạt niềm tin kỹ thuật số mà không cần trung gian. IoT, hay “thế giới siêu kết nối” và tác động của nó đối với cuộc sống của chúng ta sẽ tiếp tục được cảm nhận mạnh mẽ vào năm 2023.

Các tiện ích và thiết bị cũng như không gian làm việc của nhiều hộ gia đình ngày nay được lấp đầy bằng các công cụ và ứng dụng thông minh. Tuy nhiên, các nền tảng

và hệ điều hành khác nhau vẫn tạo ra không ít khó khăn. Năm 2023, các tiêu chuẩn và giao thức toàn cầu được kỳ vọng sẽ giúp các thiết bị tương thích với nhau hơn.

Một lĩnh vực phát triển trọng tâm khác sẽ là bảo mật IoT. Mặc dù các thiết bị được kết nối có thể cải thiện cuộc sống của chúng ta theo nhiều cách, nhưng chúng cũng tạo ra rủi ro bảo mật. Bất kỳ thiết bị nào cũng có khả năng là điểm truy cập mà kẻ tấn công có thể sử dụng để giành quyền truy cập vào toàn bộ hệ thống. Cải thiện khả năng bảo mật để ngăn chặn các cuộc tấn công này sẽ là ưu tiên hàng đầu của các công ty đang đầu tư vào IoT.

Dịch vụ 5G và các dịch vụ 6G trong tương lai sẽ không chỉ giúp các thiết bị kết nối nhanh hơn mà còn tương thích nhiều thiết bị hơn. “Giao tiếp” giữa các thiết bị có thể được “chia nhỏ” và được đặt trong các kênh tồn tại biệt lập. Như vậy, các thiết bị sẽ được kết nối một cách đáng tin cậy hơn và có thể được sử dụng trong các quy trình quan trọng như phẫu thuật bằng robot.

### ***Bảo mật dữ liệu sẽ là ưu tiên hàng đầu***

Theo dự báo, năm 2023 sẽ là một năm đầy thách thức với tội phạm mạng gia tăng và sự phụ thuộc ngày càng tăng vào các chuyên gia an ninh mạng, trong khi tình trạng thiếu hụt kỹ năng vẫn tiếp diễn. Năm 2023 cũng sẽ chứng kiến AI ngày càng góp mặt trong cuộc chiến chống lại các cuộc tấn công mạng cũng như đưa ra lời khuyên chặt chẽ hơn cho các bên bị ảnh hưởng.

Trong khi công nghệ tạo ra những thay đổi mang tính đột phá, quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu thậm chí sẽ càng trở nên cấp thiết hơn. Theo Gartner, trong năm 2023, dữ liệu cá nhân của khoảng 65% dân số thế giới sẽ được bảo vệ bởi các quy định hiện đại về quyền riêng tư. Bảo mật dữ liệu sẽ trở thành ưu tiên hàng đầu của các công ty và vấn đề này sẽ tăng trưởng theo cấp số nhân trong những năm tới.

Khi pháp luật về bảo mật dữ liệu có hiệu lực trên toàn cầu, các chính phủ và công ty sẽ thực hiện những bước thích hợp để bảo vệ dữ liệu của họ. Những nỗ lực này có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi dữ liệu sẽ được phân tích và chia sẻ liên tục, tạo ra cơ hội mới cho các công nghệ được phát triển nhằm tăng cường quyền riêng tư.

### ***Tiến bộ về lượng tử - Tiềm năng đi đôi với hiểm họa***

GlobalData, thị trường máy tính lượng tử sẽ trị giá 5 tỉ USD vào năm 2025, với điện toán lượng tử thương mại có thể sẽ bắt đầu vào năm 2027. Năm 2023 sẽ chứng kiến các tiêu chuẩn công nghệ ngày càng được thiết lập, thị trường sẽ được thúc đẩy. Các công ty không có khả năng mua máy tính lượng tử mà thay vào đó sẽ dựa vào các mô hình dịch vụ (QaaS) lượng tử đang phát triển.

Đang có một cuộc chạy đua trên toàn thế giới để phát triển điện toán lượng tử trên quy mô lớn. Điện toán lượng tử tạo ra các cách xử lý và lưu trữ thông tin mới, là một

bước nhảy vọt về công nghệ được kỳ vọng sẽ mang đến cho con người những chiếc máy tính có khả năng hoạt động nhanh hơn hàng nghìn tỷ lần so với các bộ xử lý hiện nay.

Mối nguy hiểm tiềm ẩn của điện toán lượng tử là nó có thể khiến các hoạt động mã hóa hiện tại trở nên vô dụng. Vì vậy, bất kỳ quốc gia nào phát triển điện toán lượng tử trên quy mô lớn đều có thể phá vỡ mã hóa của các quốc gia, doanh nghiệp, hệ thống bảo mật khác. Đây là xu hướng cần theo dõi cẩn thận trong năm 2023 khi các quốc gia như Hoa Kỳ, Anh, Trung Quốc và Nga đã và sẽ còn đầu tư lớn vào phát triển công nghệ điện toán lượng tử.

Có một xu hướng đáng chú ý là điện toán lượng tử đang làm biến đổi lĩnh vực an ninh mạng. Trong vài năm qua, các nhà nghiên cứu đã nỗ lực phát triển mã hóa an toàn lượng tử. Một trong số các dự báo về điện toán lượng tử cũng đã trở nên quan trọng đối với ngành mật mã học.

### **3.2. Công nghệ biến đổi gen và vật liệu mới - công nghệ nano**

#### ***Công nghệ biến đổi gen***

Chúng ta sẽ sống trong một thế giới mà người ta có thể thay đổi các đặc tính của vật liệu, thực vật, động vật, thậm chí cả con người bằng cách chỉnh sửa những cấu trúc căn bản nhất tạo nên nó. Công nghệ nano đang cho phép các nhà khoa học và doanh nghiệp tạo ra những loại vật liệu với tính năng hoàn toàn mới, chẳng hạn như sơn tự phục hồi và quần áo chống thấm nước, hay nhiều dạng vật liệu graphene cứng cáp, linh hoạt, có khả năng áp dụng trong một loạt lĩnh vực như năng lượng, xây dựng, y tế và điện tử.

Kỹ thuật chỉnh sửa gen CRISPR-Cas đã xuất hiện, nhưng trong năm 2023, chúng ta sẽ thấy công nghệ chỉnh sửa gen tăng tốc để cung cấp cho khả năng “chỉnh sửa thiên nhiên” ngày càng cao thông qua việc thay đổi ADN của sinh vật. Chỉnh sửa gen có thể hoạt động hơi giống chỉnh sửa văn bản, người ta có thể xóa đi một số từ và thêm vào một số từ khác ở vị trí xác định. Công nghệ này có thể giúp giải quyết các vấn đề như tăng sức đề kháng của cây trồng với các loại sâu bệnh, tăng năng suất mùa màng, tạo miễn dịch cho động vật, thậm chí chỉnh sửa các đặc điểm của con người như màu mắt và màu tóc. Công nghệ chỉnh sửa gen mở ra một loạt các khả năng hầu như không giới hạn. Trẻ em có thể tạo được miễn dịch với những căn bệnh mà cha mẹ chúng dễ mắc phải, cây trồng có thể được phát triển để chống lại sâu bệnh và thuốc men có thể được điều chỉnh cho phù hợp với từng cá nhân theo cấu tạo gen của chính họ.

#### ***Vật liệu mới - công nghệ nano***

Thiết kế và khám phá vật liệu giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế thế kỷ

21, với tác động tiềm năng rộng, bao trùm các ngành công nghiệp vận tải, y tế, vi điện tử và năng lượng tái tạo.

Các vật liệu thế hệ tiếp theo như vật liệu graphene và 2D, hạt nano molybdenum disulfide, vật liệu nano và một loạt vật liệu thông minh, đáp ứng nhanh và nhẹ cho phép thực hiện chức năng mới và nâng cao hiệu suất trong dược phẩm, năng lượng, giao thông vận tải, y tế, chất bán dẫn và sản xuất. Bởi vì chúng có tác động môi trường ít hơn, các vật liệu thế hệ tiếp theo sẽ rất quan trọng đối với nền kinh tế bền vững. Trong khi nhiều vật liệu trong số này vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu, những vật liệu khác đang dần đạt được tiềm năng thương mại của chúng. Các hạt nano molybdenum disulfide đã được sử dụng trong các thiết bị điện tử linh hoạt, trong khi graphene đã giúp thúc đẩy sự hồi sinh trong chất bán dẫn 2 chiều. Nhiều vật liệu mới đang được phát triển khi khoa học vật liệu kết hợp sức mạnh tính toán và các phương pháp học máy có liên quan.

Trong chăm sóc sức khỏe và dược phẩm, các công ty chăm sóc sức khỏe có thể tạo ra các hệ thống phân phối thuốc nano bằng cách sử dụng các hạt nano có khả năng phân hủy sinh học làm chất mang thuốc, chẳng hạn như thông qua các hạt nano micellar. Ví dụ, công ty NanoCarrier đang tạo ra các hệ thống phân phối thuốc nano cho dược phẩm trị ung thư.

Trong lĩnh vực chế tạo, các nhà sản xuất có thể sử dụng vật liệu tổng hợp dựa trên graphene để tăng cường các đặc tính của vật liệu tổng hợp, chẳng hạn như trong sơn chống gỉ và trong thiết bị thể thao. Ví dụ, công ty Applied Graphene Materials tạo ra các phân tán graphene có thể được sử dụng cho sơn và chất phủ, cũng như trong các vật liệu composite.

### **3.3. Công nghệ sạch và bền vững**

Tương lai vẫn còn tiềm ẩn những vấn đề về môi trường và công nghệ là một trong những cách để giải quyết, trong năm 2023 có 2 xung hướng công nghệ liên quan đến môi trường:

#### ***Công nghệ bền vững***

Công nghệ bền vững là một thuật ngữ chung mô tả tất cả những đổi mới sáng tạo có xem xét đến yếu tố tài nguyên thiên nhiên và thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Mục tiêu của các công nghệ này là giảm đáng kể rủi ro môi trường và sinh thái, đồng thời tạo ra một sản phẩm bền vững. Chúng có thể bao gồm ứng dụng của một loạt công nghệ số như AI, blockchain, điện toán đám mây, thực tế mở rộng (ER), tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) và nhiều công nghệ khác.

Gartner chỉ ra công nghệ bền vững có thể áp dụng trong ba lĩnh vực quan trọng của doanh nghiệp là hệ thống công nghệ thông tin nội bộ, hoạt động vận hành và hoạt

động khách hàng. Ví dụ, các phòng ban công nghệ thông tin của doanh nghiệp có thể di chuyển tài nguyên của mình lên nền tảng điện toán đám mây để sử dụng những dịch vụ thiết kế, lưu trữ và bảo mật chuyên nghiệp hơn.

Doanh nghiệp có thể tự động hóa càng nhiều quy trình kinh doanh càng tốt nhờ việc chuyển đổi số, dùng các robot ảo (hoặc robot thật) cho những công việc lặp đi lặp lại, hoặc dùng AI hỗ trợ cho phân tích dữ liệu, ra quyết định. Họ cũng phải nghĩ đến việc áp dụng các giải pháp ít tiêu tốn tài nguyên hơn như chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện, hoặc dùng những vật liệu đáp ứng được nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn.

Và khi nhiều khách hàng muốn có một sản phẩm bền vững nhưng không sẵn sàng thỏa hiệp về chất lượng và chi phí thì doanh nghiệp có thể đưa ra những giải pháp thuyết phục họ như truy xuất nguồn gốc dựa trên blockchain hay nhãn chứng nhận tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải carbon. Năm 2023 có thể sẽ chứng kiến sự thúc đẩy liên tục hướng tới việc làm cho chuỗi cung ứng trở nên minh bạch hơn. Đó là khi người tiêu dùng yêu cầu các sản phẩm và dịch vụ phải tiết kiệm năng lượng và được hỗ trợ bởi công nghệ bền vững hơn.

Công nghệ bền vững nổi bật trong tất cả các xu hướng công nghệ chiến lược cho năm 2023. Trong một cuộc khảo sát gần đây của Gartner, các CEO đã cho biết những thay đổi về môi trường và xã hội hiện nằm trong ba ưu tiên hàng đầu của các nhà đầu tư sau lợi nhuận và doanh thu. Điều này có nghĩa là các CEO phải đầu tư nhiều hơn vào các giải pháp sáng tạo được thiết kế để giải quyết nhu cầu về môi trường, xã hội và quản trị để đáp ứng các mục tiêu bền vững. Gartner lưu ý chỉ tiêu cho tính bền vững đã tăng trung bình 5,8% kể từ năm 2017.

Các tổ chức cần một khuôn khổ công nghệ bền vững để tăng hiệu quả năng lượng và vật chất của các dịch vụ công nghệ thông tin và cho phép doanh nghiệp phát triển bền vững thông qua truy xuất nguồn gốc, phân tích, năng lượng tái tạo và AI. Khuôn khổ cũng nên kêu gọi triển khai các giải pháp công nghệ thông tin giúp khách hàng đạt được các mục tiêu bền vững của riêng họ.

Nhắm mục tiêu vào các lĩnh vực như tiêu thụ điện năng ở trung tâm dữ liệu là dễ mang lại kết quả vì nó dễ đo lường. Điều doanh nghiệp cần xem xét là triển khai cái gì khi ngày càng có nhiều dữ liệu. Doanh nghiệp đang xem xét việc mua thêm dung lượng lưu trữ theo cách cũ hay đang tìm cách tối ưu hóa hệ thống đó bằng cách xem xét những mô hình lưu trữ như ADN và triển khai công nghệ với tư duy bền vững.

### ***Tiến bộ trong công nghệ xanh***

Một trong những thách thức lớn nhất mà thế giới đang phải đối mặt hiện nay là hạn chế lượng khí thải carbon nhằm giải quyết khủng hoảng khí hậu. Năm 2023, các

tiên bộ công nghệ có thể đều sẽ xoay quanh hydro xanh, một nguồn năng lượng đốt sạch mới tạo ra lượng khí thải nhà kính gần như bằng không. Shell và RWE, hai công ty năng lượng lớn của châu Âu, đang tạo ra đường ống xanh lớn đầu tiên từ các nhà máy điện gió ở Biển Bắc.

Người dùng có thể cũng sẽ thấy sự tiến bộ trong việc phát triển lưới điện phi tập trung. Mô hình này cung cấp một hệ thống gồm các máy phát điện nhỏ và bộ lưu trữ được đặt trong các cộng đồng hoặc nhà riêng lẻ. Nhờ đó, người dùng có thể cung cấp điện ngay cả khi không có lưới điện chính. Hiện tại, hệ thống năng lượng chủ yếu do các công ty năng lượng và khí đốt khổng lồ thống trị. Nhưng các sáng kiến năng lượng phi tập trung có khả năng dân chủ hóa năng lượng trên toàn thế giới, đồng thời, giảm lượng khí thải carbon.

Xu hướng mới giải quyết nhu cầu phát triển nhanh chóng về năng lượng sạch. Chúng bao gồm các hệ thống phân phối năng lượng thông minh trong lưới điện, hệ thống lưu trữ năng lượng, tạo năng lượng trung hòa carbon và năng lượng nhiệt hạch. Những công nghệ mới này sẽ có ứng dụng rộng rãi: năng lượng tái tạo (quang điện mặt trời, nhiệt mặt trời và gió), than sạch, thu hồi và cô lập carbon, lưới điện thông minh và công nghệ đo lường, giải pháp lưu trữ năng lượng, hiệu quả năng lượng và cơ hội biến chất thải thành năng lượng; vận tải (như xe sạch, xe điện, pin nhiên liệu); tòa nhà và cơ sở hạ tầng, vật liệu cách nhiệt, quản lý năng lượng gia đình, thiết bị gia dụng và đèn LED; nước (xử lý nước thải và khử muối/màng).

## **KẾT LUẬN**

Tăng trưởng toàn cầu đã chậm lại đến mức nền kinh tế toàn cầu gần như rơi vào suy thoái một cách nguy hiểm, chỉ ba năm sau khi thoát khỏi cuộc suy thoái do đại dịch Covid-19 gây ra năm 2020. Lạm phát rất cao đã dẫn đến việc thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh chóng và đồng bộ trên khắp thế giới để kiềm chế nó, bao gồm cả các nền kinh tế tiên tiến lớn. Mặc dù việc thắt chặt này là cần thiết để ổn định giá cả, nhưng nó đã góp phần làm xấu đi đáng kể các điều kiện tài chính toàn cầu, gây ra một lực cản đáng kể đối với tăng trưởng.

Nền kinh tế toàn cầu năm 2023 tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn, được định hình bởi tác động kéo dài của ba yếu tố: cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt do áp lực lạm phát kéo dài và lan rộng, và sự suy thoái ở Trung Quốc. Các tổ chức quốc tế đều đánh giá thấp triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 so với 2022. Tăng trưởng ở các nền kinh tế tiên tiến được dự đoán sẽ giảm mạnh năm 2023, do các ngân hàng trung ương tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ để kiềm chế áp lực lạm phát, thị trường lao động thiếu khởi sắc và



tình trạng gián đoạn thị trường năng lượng ở châu Âu vẫn tiếp diễn. Tăng trưởng dự kiến sẽ tăng nhẹ vào năm 2024, khi các trở ngại về chính sách giảm bớt và thị trường năng lượng ổn định.

Các lựa chọn chính sách đúng đắn có thể giúp đưa nền kinh tế toàn cầu thoát khỏi lạm phát an toàn và bước vào kỷ nguyên tăng trưởng bền vững và toàn diện. Những chính sách như vậy có tác động và tương tác trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Thách thức chính đối với các nhà hoạch định chính sách trên toàn thế giới là làm giảm khả năng xảy ra suy thoái kinh tế toàn cầu, đặc biệt là khả năng xảy ra do việc thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh chóng và đồng bộ, gây ra căng thẳng tài chính lan rộng. Việc giảm thiểu khả năng xảy ra khủng hoảng cũng sẽ đòi hỏi một sự kết hợp chính sách kinh tế vĩ mô lành mạnh, trong đó chính sách tài khóa không gây thêm áp lực lạm phát và thúc đẩy việc thắt chặt chính sách tiền tệ bổ sung. Biến đổi khí hậu là một thách thức toàn cầu, vì nó làm tăng tần suất và mức độ nghiêm trọng của thiên tai, đồng thời có thể làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói cùng cực do giảm năng suất nông nghiệp, tăng giá lương thực và làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực. Các nước EMDE sẽ cần đầu tư đáng kể vào tất cả các dạng vốn - con người, vật chất, xã hội và tự nhiên - để thúc đẩy tăng trưởng xanh, bền vững và bao trùm. Hợp tác quốc tế bền vững cũng cần thiết để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng sạch, giúp các quốc gia cải thiện cả an ninh năng lượng và khả năng chi trả, đồng thời khuyến khích năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng. Cộng đồng quốc tế cần bảo vệ hệ thống thương mại hàng hóa toàn cầu bằng cách tránh các biện pháp hạn chế, chẳng hạn như cấm xuất khẩu thực phẩm và phân bón. Để bù đắp những thiệt hại dài hạn từ những cú sốc bất lợi trong 3 năm qua, các nước EMDE cần tăng cường đầu tư một cách đáng kể. Với không gian tài khóa hạn chế, điều này sẽ đòi hỏi nguồn tài chính mới từ cộng đồng quốc tế và từ việc tái cấu trúc sử dụng các khoản chi tiêu hiện có, chẳng hạn như trợ cấp nông nghiệp và nhiên liệu không hiệu quả.

Năm 2023 được nhìn nhận là năm khó khăn đối với kinh tế thế giới, do đó tạo cơ hội rất lớn cho các ứng dụng tối ưu hóa vận hành, nâng cao năng suất lao động. Các công nghệ AI, điện toán đám mây, an ninh mạng, blockchain, metaverse, robot, kết nối và mở rộng với 5G và IoT, Web 3.0, điện toán lượng tử, vật liệu thế hệ tiếp theo, Digital Twin và in 3D, các công nghệ sạch và bền vững sẽ tiếp tục có những bước tiến vượt bậc và được ứng dụng ngày càng sâu rộng trong cuộc sống, có thể làm “thay đổi cuộc chơi” trong các lĩnh vực của nền kinh tế thế giới, mang đến những giá trị và sức ảnh hưởng cho các doanh nghiệp, xã hội và môi trường. Khả năng thích ứng với những xu hướng công nghệ này sẽ quyết định tính cạnh tranh của các doanh nghiệp

trong tương lai. Tuy nhiên, để có thể khai thác tối đa những lợi thế mà các công nghệ mới đó đem lại, cần có những chính sách, đặc biệt là các chính sách về cơ chế thử nghiệm (sandbox), thúc đẩy đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao, tạo môi trường thúc đẩy đổi mới sáng tạo để các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ.

**Biên soạn: Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH**

1. Asian Development Outlook Supplement, ADB, 12/2022.
2. Gartner Top 10 Strategic Technology Trends for 2023.  
<https://www.gartner.com>, 17/10/2022.
3. Global Economic Prospects 2023, World Bank, 1/2023.
4. OECD Economic Outlook, 11/2022.
5. The Top 10 Tech Trends In 2023 Everyone Must Be Ready For, 21/11/2022, <https://www.forbes.com>.
6. Technology to watch: 5 key trends for 2023, <https://www.weforum.org>, 19/01/2023.
7. World Economic Outlook, 10/2022, IMF.
8. What are the Gartner Top 10 Strategic Technology Trends for 2023?  
<https://www.gartner.com>, 17/10/2022.